

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Kiều Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA
TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH
DOANH NHÀ HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Kiều Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Kiều Trang

Mã SV: 1213401098

Lớp: QTL601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty
TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những lý luận chung về thuế giá trị gia tăng.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.
 - Đưa ra những nhận xét về kế toán nói chung và kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng tại công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2013
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ
HẢI PHÒNG**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Thị Kiều Trang

Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Đỗ Thị Kiều Trang** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Tháng 12/2013). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 24 tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG DOANH NGHIỆP1

1.1: Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp..... 1

1.1.1: Khái niệm thuế giá trị gia tăng 1

1.1.2: Vai trò của thuế giá trị gia tăng..... 1

1.1.2.1: Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hóa 1

1.1.2.2: Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý nhà nước về kinh tế 2

1.1.3: Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.. 3

1.1.3.1: Yêu cầu của kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp..... 3

1.1.3.2: Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp..... 4

1.1.3.2.1: Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung 4

1.1.3.2.2: Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng 6

1.2: Các quy định về thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp. 6

1.2.1: Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng. 6

1.2.1.1: Đối tượng chịu thuế thuế giá trị gia tăng. 6

1.2.1.2: Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. 6

1.2.2: Người nộp thuế giá trị gia tăng..... 9

1.2.3: Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng..... 10

1.2.3.1 : Giá tính thuế giá trị gia tăng 10

1.2.3.2 : Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng trong doanh nghiệp 12

1.2.4: Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng..... 14

1.2.4.1: Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng 14

1.2.4.2: Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng..... 17

1.3: Nội dung công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp. . 20

1.3.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào 20

1.3.1.1. Chứng từ sử dụng 20

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng 20

1.3.1.3. Quy trình hạch toán 23

1.3.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp 25

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng 25

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng 25

1.3.3.3. Quy trình hạch toán 26

1.4: kê khai, nộp và hoàn thuế giá trị gia tăng. 28

1.4.1. Kê khai thuế giá trị gia tăng	28
1.4.2. Nộp thuế giá trị gia tăng.....	30
1.4.3. Hoàn thuế giá trị gia tăng	31
1.5: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp	32
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG.....	35
2.1: Khái quát chung về công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.....	35
2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển.....	35
2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	35
2.1.3: Những thuận lợi, khó khăn của công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng	35
2.1.4: Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng	40
2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán	40
2.1.4.2: Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp	42
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng	43
2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán.....	43
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	45
2.2: Thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.....	45
2.2.1: Sản phẩm hàng hóa và các mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.....	45
2.2.1.1: Sản phẩm hàng hóa tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng... ..	45
2.2.1.2: Các mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.....	46
2.2.2: Kế toán tổng hợp thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng	47
2.2.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào	47
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng	47
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng	47

2.2.1.3. Quy trình hạch toán	47
2.2.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	57
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng	57
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng	57
2.2.2.3. Quy trình hạch toán	57
2.3: Kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.....	68
2.3.1. Kê khai thuế giá trị gia tăng	68
2.3.2. Nộp thuế giá trị gia tăng.....	90
CHƯƠNG 3: MỘT Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG.....	91
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng	91
3.1.1. Ưu điểm.....	92
3.1.2. Hạn chế.....	94
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.....	95
3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng	95
3.2.2. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện kế toán thuế giá trị gia tăng	96
3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải phòng.....	97
KẾT LUẬN	100

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, tốc độ sự phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế hội nhập toàn cầu, thì các công ty cũng theo đó phát triển không ngừng. Cùng với sự phát triển của các công ty thì không thể không kể đến vai trò của bộ phận kế toán trong công ty. Bộ phận kế toán được xem như là trái tim của công ty, họ là những người trợ giúp đắc lực cho Giám đốc, là những người nắm bắt và điều hành tình hình tài chính trong công ty. Vì vậy để việc phát triển và mở rộng của công ty có hiệu quả thì bất kể doanh nghiệp nào dù là doanh nghiệp sản xuất hay kinh doanh dịch vụ thì cũng không thể thiếu sự có mặt của bộ phận kế toán.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán và kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp. Thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách Nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, tránh được tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn tới tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước.

Nhận thức đầy đủ và đúng đắn vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức kế toán thuế GTGT. Sau một thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng và kết hợp với những kiến thức đã được học, em đã chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của đề tài đề cập đến tình hình và phát triển của công ty, thực tế về kế toán thuế GTGT, nội dung được trình bày cụ thể như sau:

Chương I: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

Chương III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải phòng

Do còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn nên khóa luận sẽ không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ**, các thầy cô trong khoa QTKD cùng các cô chú, anh chị của phòng Kế toán – Tài chính công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng đã tận tình chỉ bảo, tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.1: Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.

1.1.1: Khái niệm thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật thuế giá trị gia tăng - vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là: Taxe Sur La Valeur Ajou tée (viết tắt là TVA), tiếng Anh gọi là Value Added Tax (viết tắt là VAT), dịch ra tiếng Việt là thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước Pháp, thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Ngày nay, các quốc gia thuộc khối Liên minh Châu Âu, châu Phi, châu Mỹ La Tinh và một số quốc gia Châu Á trong đó có Việt Nam đã chính thức áp dụng thuế giá trị gia tăng. Các quốc gia khác cũng đang trong thời kỳ nghiên cứu loại thuế này. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Ở nước ta, tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khoá 9, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-1999.

Tại điều 2, luật thuế GTGT số 13/ 2008/ QH 12 ngày 03/ 06/ 2008 của quốc hội khoá 12 quy định thì thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

1.1.2: Vai trò của thuế giá trị gia tăng

1.1.2.1. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hóa

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần chuyển dịch từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hoá chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế Nhà nước thu cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lý, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hoá. Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là Nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất, lưu thông

mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu. Nếu như không có các sự kiện biến động về tài chính, tiền tệ, sản xuất và lưu thông giảm sút, yếu kém, kinh tế suy thoái và các nguyên nhân khác tác động thì việc áp dụng thuế giá trị gia tăng thay cho thuế doanh thu sẽ không ảnh hưởng gì đến giá cả các sản phẩm tiêu dùng, mà trái lại giá cả càng hợp lý hơn, chính xác hơn vì tránh được thuế chồng lên thuế.

1.1.2.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý nhà nước về kinh tế

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau:

- Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho ngân sách nhà nước.
- Thuế tính trên giá bán hàng hoá hoặc giá dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý thu tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.
- Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.
- Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng được thực hiện căn cứ trên hoá đơn mua vào đã thúc đẩy người mua phải đòi hỏi người bán xuất hoá đơn, ghi doanh thu đúng với hoạt động mua bán; khắc phục được tình trạng thông đồng giữa người mua và người bán để trốn lậu thuế. Ở khâu bán lẻ thường xảy ra trốn lậu thuế. Người tiêu dùng không cần đòi hỏi hoá đơn, vì đối với họ không còn xảy ra việc khấu trừ thuế. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng, giá trị tăng thêm thường không lớn, số thuế thu ở khâu này không nhiều.
- Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng. Với ít thuế suất, loại thuế này mang tính trung lập, vì về cơ bản không can thiệp sâu vào mục tiêu khuyến khích hay hạn chế sản xuất, kinh doanh dịch vụ, tiêu dùng,

theo ngành nghề cụ thể; không gây phức tạp trong việc xem xét từng mặt hàng, ngành nghề có thuế suất chênh lệch nhau nhiều.

- Nâng cao được tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế. Thông thường, trong chế độ kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, cơ quan thuế tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh tự kiểm tra, tính thuế, kê khai và nộp thuế. Từ đó, tạo tâm lý và cơ sở pháp lý cho đơn vị kinh doanh không phải hiệp thương, thỏa thuận về mức doanh thu, mức thuế với cơ quan thuế. Việc kiểm tra thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu giữ chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh từ đó tập trung được nguồn thu thuế giá trị gia tăng vào ngân sách nhà nước ngay từ khâu sản xuất và thu thuế ở khâu sau còn kiểm tra được việc tính thuế, nộp thuế ở khâu trước nên hạn chế thất thu về thuế.

- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ; việc tính thuế đầu ra được khấu trừ số thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.

- Việc khấu trừ thuế đã nộp ở đầu vào còn có tác dụng khuyến khích hiện đại hoá, chuyên môn hoá sản xuất, tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hạ giá thành sản phẩm.

- Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu...góp phần làm cho hệ thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiến bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, đơn giản, trung lập...Tuy nhiên, trong thời gian đầu áp dụng thuế giá trị gia tăng đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc và Nhà nước ta đã từng bước tháo gỡ những khó khăn đó trong quá trình thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng.

1.1.3: Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Yêu cầu của kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với

quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

-Quản lý thuế GTGT đầu vào: đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán HHDV. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được nhà nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

-Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm HHDV số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào ngân sách nhà nước. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

-Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: đây là số tiền mà nhà nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở trên, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút ngân sách. Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

-Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: đây là nguồn thu thường xuyên của ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp

1.1.3.2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung

a. Trách nhiệm

- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất (nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào (sử dụng đèn cực tím) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyền không để hư hỏng thất thoát.

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn (mở sổ giao và ký nhận).
- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

b .Quyền hạn :

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định khác có liên quan đến thuế.

c. Mối liên hệ công tác :

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty: nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.

- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.

- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.

- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

1.1.3.2.2.Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT

- Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng, trong quý. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hóa đơn GTGT.

- Lập bảng kê thuế hàng tháng, hàng quý bao gồm:

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào.

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hóa đơn GTGT

-Kê khai thuế phải nộp hàng tháng, hàng quý:

Hàng tháng, hàng quý, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

-Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền gửi ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi ban giám đốc... yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... Bởi vì kế toán thuế GTGT đòi hỏi cán bộ kế toán phải biết dung hòa giữa chế độ và qui định của nhà nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

1.2: Các quy định về thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.

1.2.1: Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng.

1.2.1.1. Đối tượng chịu thuế GTGT

Là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT theo thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính.

1.2.1.2. Đối tượng không chịu thuế GTGT

Có 25 loại hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT

1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.
2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền.
3. Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.
4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt mà thành phần chính là Na-tri-clo-rua (NaCl).
5. Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.
6. Chuyển quyền sử dụng đất
7. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm.
8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây:
 - a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng.
 - c) Kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - d) Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật.
 - đ) Bán nợ.
 - e) Kinh doanh ngoại tệ.

g) Dịch vụ tài chính phái sinh bao gồm: hoán đổi lãi suất; hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; quyền chọn mua, bán ngoại tệ; dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật.

h) Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi.

10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập theo chương trình của Chính phủ.

11. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ.

12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.

13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; tiền, in tiền.

16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện.

17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại.

18. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề

nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.

20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất; gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.

21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; phần mềm máy tính.

22. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.

23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật.

25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống.

* Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp áp dụng mức thuế suất 0%.

1.2.2: Người nộp thuế giá trị gia tăng.

Là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tại Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh và tổ chức cá nhân khác có nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT.

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bao gồm:

- Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp nhà nước và Luật hợp tác xã.

- Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

- Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhập khẩu.

1.2.3: Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

1.2.3.1. Giá tính thuế giá trị gia tăng:

Giá tính thuế được quy định như sau:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

d) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho thời hạn thuê thì giá tính thuế là số tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.

đ) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

- e) Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng.
- g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị.
- h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước.
- i) Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hưởng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng.
- k) Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$$

***Thời điểm xác định thuế GTGT:**

- Đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Đối với hoạt động cung cấp điện nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi trên hóa đơn tính tiền.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ.
- Đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

1.2.3.2. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng trong doanh nghiệp.

*** Mức thuế suất 0%**

Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây:

- + Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài
- + Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài
- + Dịch vụ cấp tín dụng
- + Chuyển nhượng vốn
- + Dịch vụ tài chính phái sinh
- + Dịch vụ bưu chính, viễn thông
- + Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

*** Mức thuế suất 5%**

Áp dụng đối với HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng:

- 1) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- 2) Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.
- 3) Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.
- 4) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.
- 5) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.
- 6) Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá.
- 7) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.
- 8) Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm giẻ đường, bã mía, bã bùn.

9) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo.

10) Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu.

11) Thiết bị, dụng cụ y tế, bông, băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh.

12) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

13) Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

14) Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.

15) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

16) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.

*** Mức thuế suất 10%**

Áp dụng đối với hàng hóa dịch vụ thông thường còn lại như: Dầu mỡ, khí đốt, quặng, điện thương phẩm, xây dựng lắp đặt; sản phẩm điện tử; sản phẩm hóa chất; sợi vải sản phẩm may mặc, thêu ren; giấy; sữa, bánh kẹo, nước giải khát; sản phẩm gốm sứ thủy tinh; dịch vụ tư vấn pháp luật và các dịch vụ tư vấn khác; khách sạn, dịch vụ, ăn uống....

Các mức thuế suất GTGT nêu trên đây được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

Cụ thể như: Hàng bánh kẹo áp dụng thuế suất là 10% thì mặt hàng này ở khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại đều áp dụng thuế suất 10%.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế

suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất kinh doanh.

1.2.4. Phương pháp tính thuế GTGT

Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp đó là: phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

1.2.4.1. Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng

*** Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.
- Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.
- Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu và đáp ứng điều kiện quy định.

*** Đối tượng áp dụng:**

Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ bao gồm:

- Cơ sở kinh doanh có doanh thu hàng năm từ bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân kinh doanh;
- Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh.

+ Công thức xác định thuế GTGT phải nộp:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{Số thuế GTGT đầu ra} - \text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hóa dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế GTGT

*** Xác định thuế GTGT đầu ra:**

- Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.

-Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.

-Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là đã có thuế GTGT thì thuế GTGT đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ (-) giá tính thuế theo quy định.

-Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và thu thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dùng chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn, chứng từ.

- Cơ sở kinh doanh phải chấp hành chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ. Trường hợp hoá đơn ghi sai mức thuế suất thuế giá trị gia tăng mà cơ sở kinh doanh chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì xử lý như sau:

Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ: Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hoá đơn cao hơn thuế suất đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo thuế suất đã ghi trên hoá đơn; Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hoá đơn thấp hơn thuế suất đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo thuế suất thuế GTGT quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT.

**** Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:***

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng nên chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn,... nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng, quý nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng hoặc quý đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng, quý thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi **hoá đơn GTGT không đúng quy định** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau :

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .
- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào :

$$\text{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào} = \frac{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT}}{\text{Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ}}$$

$$\text{Số thuế GTGT} = \text{Tổng số thuế GTGT (x) Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT}$$

*** Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123 về điều kiện khấu trừ thuế GTGT:

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ.

b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ.

Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán không dùng tiền mặt; trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.

- Có hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hoá xuất khẩu hoặc uỷ thác gia công hàng hoá xuất khẩu, hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu không dùng tiền mặt và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật; đối với hàng hoá xuất khẩu phải có tờ khai hải quan.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được thanh toán dưới hình thức bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước thì cũng được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.

1.2.4.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

***. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được quy định như sau:**

a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá

trị gia tăng bằng giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng.

b) Giá trị gia tăng được xác định bằng giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.

*** Đối tượng áp dụng:**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định.
- Hộ, cá nhân kinh doanh.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ, trừ tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay.
- Tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định.
- Hoạt động mua bán vàng, bạc, đá quý.

*** Xác định thuế GTGT phải nộp**

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

a) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư,

hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) Doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá vốn hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ trừ (-) giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hoá, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hoá, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định

được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

1.3: Nội dung công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.

1.3.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

1.3.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT-3LL).
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133- Thuế GTGT được khấu trừ kết cấu của tài khoản này như sau:

*Nội dung: phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

*Kết cấu:

Nợ	TK133 Có
<u>SDDK:</u> Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đầu kỳ. <u>SPS tăng:</u> Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ.	<u>SPS giảm:</u> Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ: - Khấu trừ thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT
<u>SDCK:-</u> Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ. - Số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng chưa được hoàn trả	

Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ:* Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

- *Tài khoản 1332 - Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định:* Phản ánh thuế GTGT đầu vào của quá trình đầu tư, mua sắm tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế của quá trình mua sắm bất động sản đầu tư.

*** Nguyên tắc hạch toán**

a. Tài khoản 133 chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, không áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng hoá dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

b. Đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu

vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

Trường hợp không thể hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được hạch toán vào Tài khoản 133. Cuối kỳ, kế toán phải xác định số thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá vốn của hàng bán ra hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Trường hợp số thuế GTGT không được khấu trừ có giá trị lớn thì tính vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ tương ứng với doanh thu trong kỳ, số còn lại được tính vào giá vốn hàng bán ra của kỳ kế toán sau.

c. Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hoá, dịch vụ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, dùng vào hoạt động sự nghiệp, hoặc thực hiện dự án được trang trải bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, dự án, hoặc dùng vào hoạt động phúc lợi, khen thưởng được trang trải bằng quỹ phúc lợi, khen thưởng của doanh nghiệp thì số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ và không hạch toán vào Tài khoản 133. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá trị của vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dịch vụ mua vào.

d. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào được dùng chứng từ đặc thù (như tem bưu điện, vé cước vận tải,...) ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì doanh nghiệp được căn cứ vào giá hàng hoá, dịch vụ mua vào đã có thuế GTGT để xác định giá không có thuế và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

e. Đối với cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp xuất khẩu sản phẩm do mình trực tiếp nuôi, trồng, đánh bắt khai thác, thì chỉ được khấu trừ thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng trực tiếp cho giai đoạn khai thác.

f. Hàng hoá mua vào bị tổn thất do thiên tai, hoả hoạn, bị mất, xác định do trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được tính vào số thuế GTGT đầu vào và được khấu trừ khi kê khai thuế GTGT phải nộp.

g. Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai khấu trừ khi xác định thuế GTGT phải nộp của tháng đó. Nếu số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào

bằng (=) số thuế GTGT đầu ra của tháng đó, số thuế GTGT đầu vào còn lại được khấu trừ tiếp vào kỳ tính thuế sau hoặc được xét hoàn thuế theo quy định của Luật thuế GTGT.

Trường hợp Hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua và phát sinh trong tháng nhưng chưa kê khai kịp trong tháng, quý thì được kê khai khấu trừ vào các tháng, quý tiếp sau theo quy định của Luật thuế GTGT.

h. Văn phòng Tổng công ty không trực tiếp hoạt động kinh doanh không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì không được khấu trừ hay hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

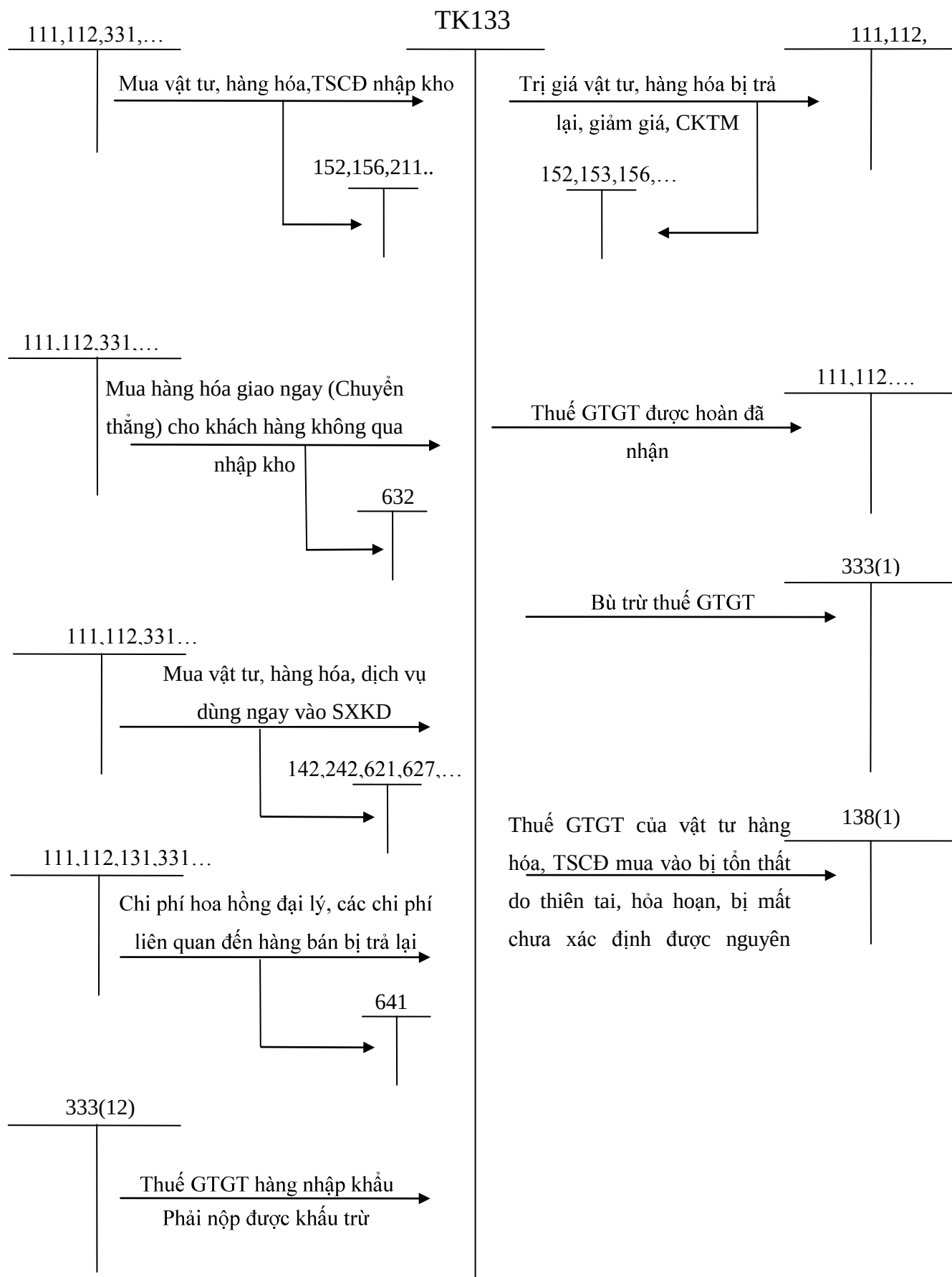
Trường hợp Văn phòng Tổng công ty có hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải đăng ký, kê khai nộp thuế GTGT riêng cho các hoạt động này.

i. Đối với doanh nghiệp kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT được chuyển sang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, được khấu trừ thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào phát sinh kể từ tháng được áp dụng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế; đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào trước tháng được áp dụng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

j. Theo luật thuế GTGT thì căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên Hóa đơn GTGT khi mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu nước ngoài theo quy định. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào không có Hóa đơn GTGT hoặc có Hóa đơn GTGT nhưng không đúng quy định của pháp luật thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp Hoá đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù được dùng Hoá đơn GTGT ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT); không ghi hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán; hoá đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hoá đơn bị tẩy xóa, hoá đơn khống (không bán hàng hoá, dịch vụ); hoá đơn ghi giá trị cao hơn giá trị thực tế của hàng hoá, dịch vụ đã bán thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

1.3.1.3. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:



1.3.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp**1.3.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và là hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hóa đơn thu tiền thuê nhà.

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 01/GTGT).

Các hóa đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hóa đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hóa đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hóa đơn đặc thù, không doanh nghiệp nào giống nhau.

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và để theo dõi chi tiết thuế GTGT kế toán sử dụng TK3331 – Thuế GTGT phải nộp.

Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

* Kết cấu:

Nợ	TK 3331	Có
<u>SDĐK:</u> Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách đầu kỳ		<u>SDĐK:</u> Số thuế GTGT còn phải nộp đến đầu kỳ
SPS giảm: Khấu trừ thuế GTGT - Thuế GTGT được miễn giảm - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN. - Số thuế GTGT		SPS tăng: Số thuế GTGT phải nộp tăng trong kỳ
<u>SDCK:</u> Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách cuối kỳ		<u>SDCK:</u> Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ

- TK

3331

có 2 tài khoản cấp III: - TK 33311- thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ,

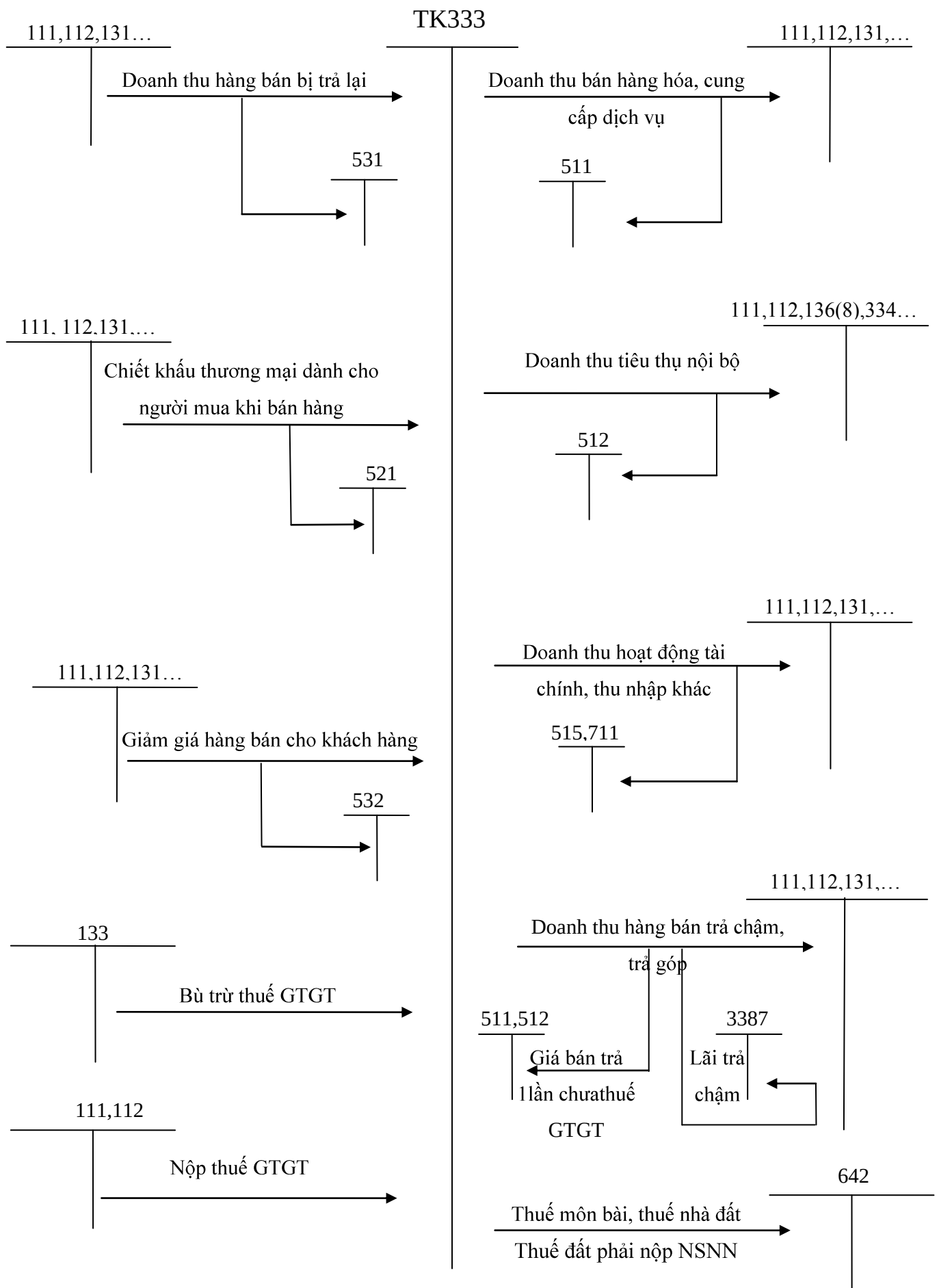
dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra hàng bán nội địa phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa trong kỳ.

- TK 33312- Thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu, dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào ngân sách.

1.3.3.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ hạch toán thuế GTGT đầu ra

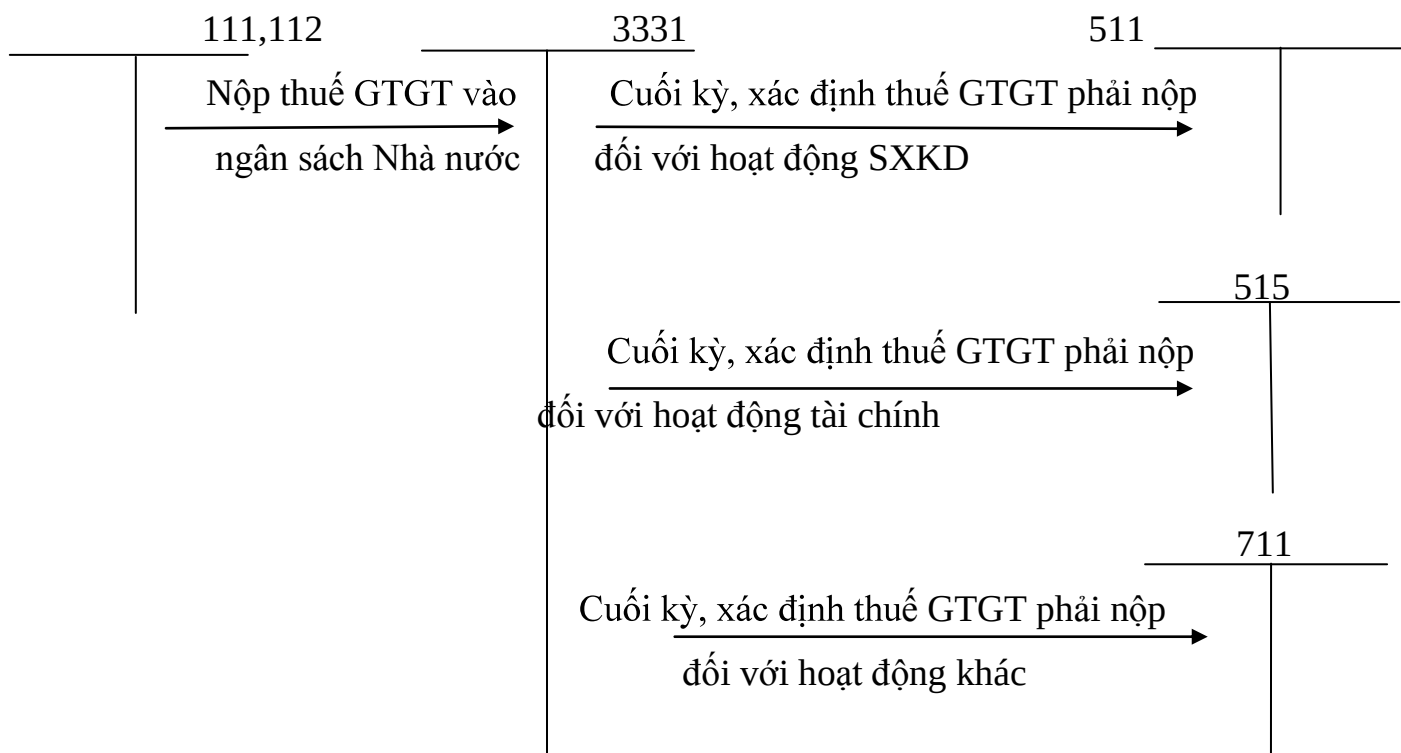
Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:



Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 333(1) do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

Cuối kỳ sau khi xác định số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ:



1.4: Kế khai, nộp và hoàn thuế giá trị gia tăng.

1.4.1. Kế khai thuế giá trị gia tăng

-Các cơ sở kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định.

-Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

-Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyển phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyển hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa dịch vụ có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được

theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

* Khai thuế giá trị gia tăng là loại khai thuế theo tháng trừ các trường hợp trừ các trường hợp khai thuế theo quý sau:

- Đối tượng khai thuế GTGT theo quý:

Khai thuế theo quý áp dụng đối với người nộp thuế giá trị gia tăng có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 20 tỷ đồng trở xuống.

+ Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh việc khai thuế giá trị gia tăng được thực hiện theo tháng. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch tiếp theo sẽ căn cứ theo mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng hay theo quý.

+ Người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo tháng hay kê khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định.

+ Trường hợp người nộp thuế đủ điều kiện và thuộc diện khai thuế GTGT theo quý muốn chuyển sang khai thuế theo tháng thì gửi thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là cùng với thời hạn nộp tờ khai thuế GTGT của tháng đầu tiên của năm bắt đầu khai thuế GTGT theo tháng.

+ Việc thực hiện khai thuế theo quý hay theo tháng được ổn định trọn năm dương lịch và ổn định theo chu kỳ 3 năm. Riêng chu kỳ ổn định đầu tiên được xác định tính kể từ ngày 01/7/2013 đến hết ngày 31/12/2016.

Trong chu kỳ khai thuế ổn định theo quý, nếu người nộp thuế tự phát hiện hoặc qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế kết luận doanh thu của năm trước liền kề của chu kỳ khai thuế ổn định này trên 20 tỷ đồng, người nộp thuế không đủ điều kiện để khai thuế giá trị gia tăng theo quý của chu kỳ ổn định đó thì từ năm tiếp theo của năm phát hiện cho đến hết chu kỳ ổn định, người nộp thuế phải thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng.

Trong chu kỳ khai thuế ổn định theo tháng, nếu người nộp thuế tự phát hiện hoặc qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế kết luận doanh thu của năm trước liền kề của chu kỳ khai thuế ổn định này từ 20 tỷ đồng trở xuống, người nộp thuế đủ điều kiện để khai thuế giá trị gia tăng theo quý của chu kỳ ổn định đó thì người nộp thuế được lựa chọn hình thức khai thuế theo tháng hoặc quý từ năm tiếp theo của năm phát hiện cho đến hết chu kỳ ổn định.

☺ Cách xác định doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ năm trước liền kề làm điều kiện xác định đối tượng khai thuế giá trị gia tăng theo quý

- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được xác định là Tổng doanh thu trên các Tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế trong năm dương lịch (bao gồm cả doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng và doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng).

- Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế tại trụ sở chính cho đơn vị trực thuộc thì doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm cả doanh thu của đơn vị trực thuộc.

c) Khai thuế giá trị gia tăng tạm tính theo từng lần phát sinh đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh.

d) Khai thuế giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh đối với thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên doanh số của người kinh doanh không thường xuyên.

1.4.2. Nộp thuế giá trị gia tăng

* Về thời hạn nộp thuế:

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất là không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

Nếu đơn vị thuộc diện khai thuế GTGT theo quý thì hạn nộp thuế của quý chậm nhất là ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý.

Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10 – 15 ngày 1 lần và trong thời hạn qui định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

Riêng cơ sở kinh doanh và người nhập khẩu hàng hóa phải nộp thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu.

* Về số thuế phải nộp:

Căn cứ vào số thuế trong thông báo nộp thuế của cơ quan thuế. Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu kỳ này cơ sở kinh doanh nộp thừa thì số thuế nộp thừa đó được trừ vào số thuế còn thiếu vào kỳ tiếp theo.

* Về địa điểm nộp thuế:

Cơ sở có thể trực tiếp nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước (tại kho bạc nhà nước), hoặc trích tiền gửi ngân hàng (nếu cơ sở đó có) để nộp vào ngân sách

nhà nước. Đối với các cá nhân kinh doanh (trừ đối tượng nộp thuế theo kê khai) ở xa kho bạc, luôn di động... thì cơ quan thuế tổ chức thu trực tiếp và nộp vào ngân sách nhà nước (chậm nhất không quá 3 ngày không từ ngày thu được tiền thiếu; riêng đối với vùng núi, hải đảo là 6 ngày).

Thời điểm nộp thuế được tính từ thời điểm nộp thuế tại kho bạc, hoặc được tính từ ngày ngân hàng trích chuyển tiền gửi của cơ sở kinh doanh vào ngân sách nhà nước.

***Về đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế:**

Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế GTGT vào ngân sách nhà nước. Nếu đối tượng nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải qui đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ, để xác định số thuế GTGT phải nộp.

Nếu đã tới thời hạn nộp thuế mà cơ sở chưa nhận được thông báo nộp thuế thì căn cứ vào số thuế phải nộp theo kê khai, cơ sở chủ động nộp thuế vào ngân sách nhà nước.

1.4.3. Hoàn thuế giá trị gia tăng

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo; trường hợp lũy kế sau ít nhất mười hai tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc ít nhất sau bốn quý tính từ quý đầu tiên phát sinh số thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ mà vẫn còn số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý.

3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp,

sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hoá mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh.

5. Việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được quy định như sau:

a) Chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hoá, dịch vụ mua tại Việt Nam để phục vụ cho chương trình, dự án;

b) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ đó.

6. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

7. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

1.5: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

Tùy theo đặc điểm của mỗi doanh nghiệp mà chọn cho mình một hình thức kế toán phù hợp đó là:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

☞ Do đó hệ thống sổ sách kế toán cũng khác nhau để phù hợp với hình thức kế toán ở mỗi doanh nghiệp nhưng nói chung là bao gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ Nhật ký chung, sổ Cái

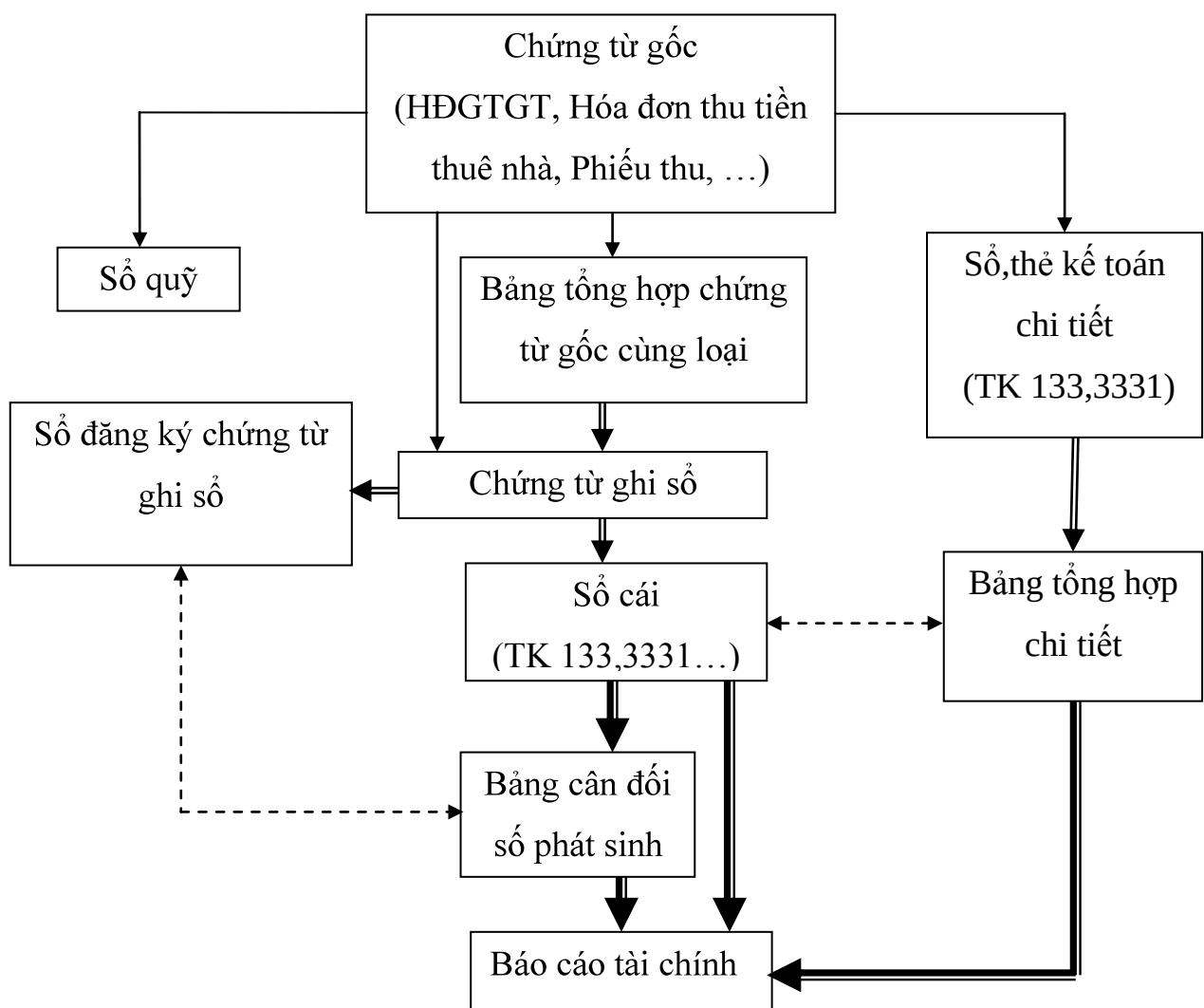
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Thẻ kho, Sổ chi tiết vật liệu, Sổ chi tiết thuế GTGT đầu vào (13311, 13312), Sổ chi tiết thuế GTGT đầu ra phải nộp (3331), Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (TK 632), Sổ chi tiết bán hàng (TK 511), Sổ chi tiết thanh toán với người mua (TK 131), bản kê, chứng từ ghi sổ,...

Sau đây bài viết xin nói về hình thức kế toán **Chứng từ - Ghi sổ**.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh mà có cùng nội dung thì đều phải được ghi vào bảng kê chứng từ gốc cùng loại, theo trình tự thời gian phát sinh của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên đó ghi vào chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái.

Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

←-----→ Đối chiếu kiểm tra

Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối quý, năm

====> Ghi cuối tháng

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thu tiền thuê nhà,...) kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.
 - Cuối tháng, căn cứ vào vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ sổ chi tiết kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết.
 - Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.
- ☞ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG

2.1: Khái quát chung về công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng tiền thân là Công ty Kinh doanh nhà Hải Phòng đ-ợc thành lập theo Quyết định số 139/QĐ-TCCQ ngày 26/02/1994 và Quyết định 1017/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng là pháp nhân thuộc sở hữu nhà n-ớc (chủ sở hữu là UBND thành phố Hải Phòng). Công ty có quyền sử hữu, sử dụng, định đoạt đối với tên gọi, biểu t-ợng riêng, th- ơng hiệu riêng của công ty theo quy định của pháp luật.

Công ty đ-ợc sử dụng con dấu theo quy định, độc lập về tài sản, đ-ợc mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà n-ớc, các ngân hàng th- ơng mại và các tổ chức tín dụng trong và ngoài n-ớc; là đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ tài chính, chế độ báo cáo thống kê, kế toán kiểm toán và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hiện nay:

- Trụ sở giao dịch: Số 24 Phan Bội Châu - Hồng Bàng - Hải Phòng.
- Điện thoại: (031).3838847
- Mã số thuế: 0200156068
- Tài khoản số: 102010000212829

2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh

- Quản lý, khai thác và phát triển quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho thuê hoặc cho thuê mua để ở, cho thuê để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ theo các quy định của Luật nhà ở và các quy định khác của Nhà nước và Thành Phố.

- Đầu tư, kinh doanh phát triển nhà trong đó chú trọng đầu tư, kinh doanh phát triển nhà ở xã hội, kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, quản lý đầu tư, tư vấn đầu tư xây dựng, xây dựng sửa chữa nhà, xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng giao thông, xây dựng thủy lợi, trang trí nội thất...và theo đăng ký kinh doanh.

- Chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Chủ động trong việc cung ứng vật tư phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đạt chất lượng và hiệu quả, liên doanh liên kết.
- Thực hiện nghĩa vụ thuế với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo các ngành nghề đăng ký kinh doanh. Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.
- Và các nội dung khác theo quy định tại Điều 16 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.

2.1.3: Những thuận lợi và khó khăn của Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

Thuận lợi

Trong vài năm gần đây hoạt động của Công ty rất có hiệu quả đặc biệt trong công tác quản lý và thu tiền thuê nhà đạt được những thuận lợi đáng kể: tổng diện tích nhà cho thuê tăng. Về kinh doanh nhà đây mới chỉ là thời kỳ tập sự nên doanh thu không đáng kể. Đời sống cán bộ công nhân viên t-ong đối ổn định. Công ty còn nhận được hợp đồng sửa chữa, nâng cấp cải tạo các khu nhà do nhà n-ớc giao. Hàng năm Công ty còn hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của mình với ngân sách nhà n-ớc.

○ Khó khăn

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế hội nhập, giá cả leo thang từng ngày, tiền thuê nhà đã tăng so với tr-ớc nhiều nh-ng vẫn không đáp ứng được yêu cầu sửa chữa và tình trạng xuống cấp t-ong đối nghiêm trọng. Hàng năm có khoảng 300 ngôi nhà nguy hiểm từ cục bộ đến toàn diện. Hơn nữa, thị tr-ờng về bất động sản ngày một sôi động dễ dẫn đến tranh chấp lấn chiếm... làm cho công tác quản lý đã phức tạp nay còn khó khăn hơn.

2.1.4: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Chủ tịch công ty kiêm Tổng Giám Đốc.

* Nguồn nhân lực:

- Tổng số CBCNV: 194 người.
- Đảng bộ công ty gồm: 8 chi bộ và 83 Đảng viên.

* Hệ thống tổ chức chính trị trong công ty.

- Đảng bộ Công ty - Trực thuộc Đảng bộ quận Hồng Bàng
- Công đoàn công ty - Trực thuộc Công đoàn xây dựng Hải Phòng.

- Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Công ty - Trực thuộc đoàn TNCSHCM Quận Hồng Bàng.

* Bộ máy quản lý, điều hành công ty

- Chủ tịch công ty kiêm Tổng giám đốc
- Kiểm soát viên chuyên trách
- 02 Phó Tổng Giám Đốc
- Kế toán trưởng

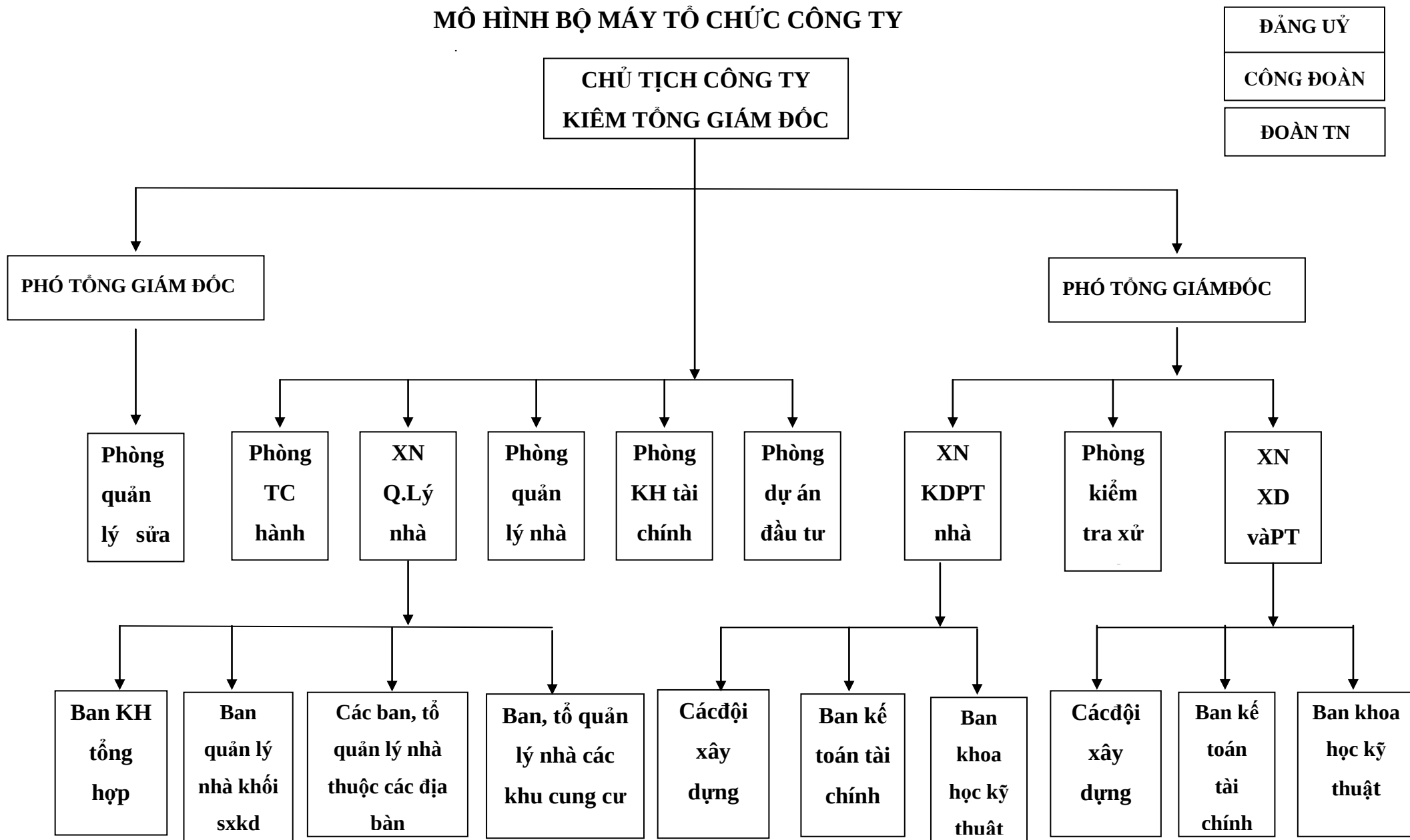
* Các đơn vị thành viên trực thuộc công ty

- Phòng quản lý nhà
- Phòng quản lý sửa chữa (sáp nhập phòng quản lý sửa chữa cũ với Xí nghiệp khảo sát thiết kế cũ)
- Phòng kế hoạch – tài chính
- Phòng dự án đầu tư và phát triển nhà
- Phòng kiểm tra xử lý
- Phòng tổ chức hành chính
- Xí nghiệp quản lý nhà
- Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà
- Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà

* Mối quan hệ.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
- Căn cứ Quy chế hoạt động nội bộ số 01 của Công ty.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của các phòng ban trong công ty được xây dựng thông qua quy chế hoạt động nội bộ của các đơn vị.

MÔ HÌNH BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY



Ban giám đốc:

Đứng đầu công ty là giám đốc công ty do UBND thành phố Hải Phòng bổ nhiệm. Giám đốc công ty là người tổ chức và điều hành mọi hoạt động của công ty theo chế độ thủ trưởng. Đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, sở địa chính, các cơ quan chức năng có liên quan và trước tập thể người lao động của công ty.

Giám đốc trực tiếp chỉ đạo 4 phòng ban và 1 xí nghiệp:

- Phòng quản lý kinh doanh nhà .
- Phòng tổ chức hành chính.
- Phòng kế hoạch tài chính.
- Phòng kiểm tra xử lý.
- Xí nghiệp quản lý kinh doanh nhà.

Bộ máy giúp việc cho giám đốc là 2 phó giám đốc:

- Phó giám đốc phụ trách sửa chữa trực tiếp quản lý 1 phòng và 1 xí nghiệp: xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà, Phòng quản lý sửa chữa.

- Phó giám đốc phụ trách kinh doanh quản lý 1 phòng và 1 xí nghiệp: Phòng dự án đầu tư phát triển và xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà.

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:*** Phòng quản lý nhà:**

Tham mưu giúp việc cho giám đốc công ty về công tác quản lý và khai thác có hiệu quả quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước do công ty quản lý cho thuê.

*** Phòng quản lý sửa chữa nhà:**

Tham mưu giúp việc giám đốc công ty trong lĩnh vực lập kế hoạch hoặc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư sửa chữa cải tạo nâng cấp và xây dựng nhà thuộc quyền sở hữu nhà nước do công ty quản lý.

*** Phòng tổ chức hành chính:**

Tham mưu giúp việc Đảng uỷ và Ban giám đốc công ty công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác lao động tiền lương, các chế độ chính sách và phục vụ công tác hành chính cho công ty.

*** Phòng dự án đầu tư phát triển nhà:**

Tham mưu, đề xuất với giám đốc công ty lập kế hoạch, phương án đầu tư, kinh doanh và phát triển nhà của công ty.

*** Xí nghiệp quản lý kinh doanh nhà :**

Tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, thu tiền nhà và dịch vụ tư vấn trực tiếp với các bên thuê nhà theo hợp đồng thuê nhà do công ty với bên thuê nhà và các quy định của nhà nước về quản lý nhà và đất.

** Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà:*

Tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sửa chữa và thi công xây lắp theo nhiệm vụ kế hoạch công ty giao và tham mưu cho công ty dự thầu xây lắp với các chủ đầu tư khác theo luật định.

** Phòng kế hoạch tài chính:*

Phòng kế hoạch tài chính có chức năng giúp Giám đốc công ty chỉ đạo tổ chức thực hiện thống nhất công tác tài chính kế toán thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế của Công ty theo quy định quản lý kinh tế tài chính hiện hành, đồng thời quản lý, hướng dẫn và kiểm tra kiểm soát về tài chính kế toán đối với hệ thống ngành dọc chuyên môn ở các đơn vị trực thuộc Công ty theo luật định.

** Xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà:*

Tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh theo nhiệm vụ kế hoạch Công ty giao và tham mưu cho công ty và các chủ đầu tư theo luật định.

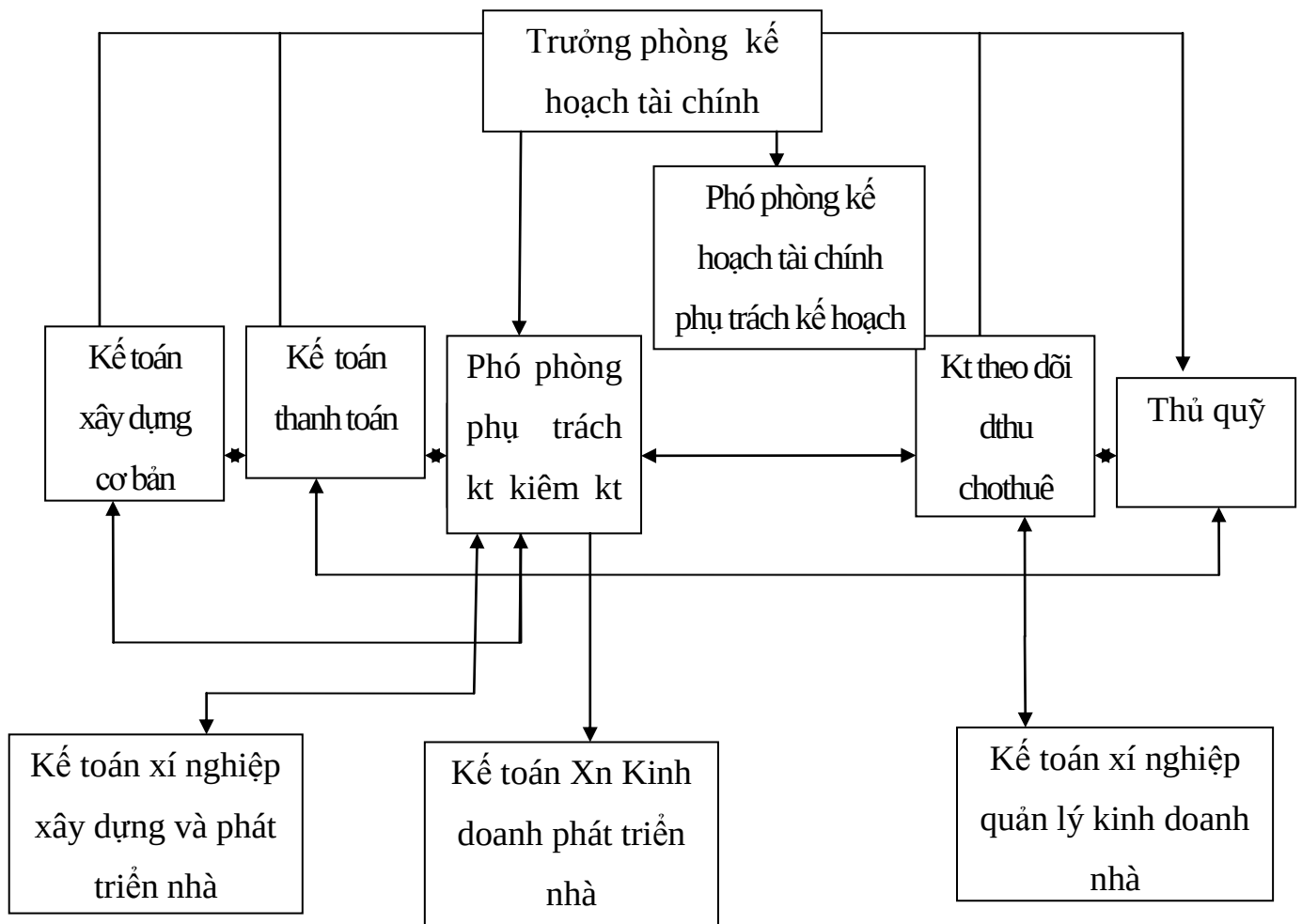
** Phòng kiểm tra xử lý:* Kiểm tra toàn bộ nhà cho thuê Công ty quản lý xem có trường hợp nào lấn chiếm vi phạm hợp đồng với công ty để xử lý.

2.1.4: Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán

Hiện nay công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán vì cấp dưới công ty có 3 đơn vị hạch toán độc lập tự làm ăn tự chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đó là Xí nghiệp quản lý nhà; Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà và Xí nghiệp Kinh doanh phát triển nhà, 3 XN này có bộ máy kế toán đầy đủ.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:



- Tr-ởng phòng (1 ng-ời): tổ chức quản lý và điều hành các nghiệp vụ của phòng theo chức năng nhiệm vụ quyền hạn Công ty giao và chịu trách nhiệm tr-ớc Tổng giám đốc Công ty về nội dung công việc đ-ợc giao.

- Phó phòng: bao gồm 2 phó phòng (1 phó phòng phụ trách kế toán và 1 phó phòng phụ trách kế hoạch) điều hành các hoạt động theo chức danh của phòng khi tr-ởng phòng đi vắng và chịu trách nhiệm tr-ớc Tổng giám đốc và tr-ởng phòng về công việc đ-ợc phân công.

- Kế toán doanh thu: gồm 5 ng-ời trong đó 3 ng-ời kiêm kế toán xây dựng cơ bản, 1-ơng và BHXH.

+ Kế toán XD CB: tham m-u trong việc theo dõi kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán các công trình sửa chữa XD CB. Mở sổ chi tiết tài khoản phải trả cho ng-ời bán, XD CB dở dang, phải trả nội bộ, phải thu nội bộ và theo dõi hoạt động kinh tế sửa chữa,... Kiểm tra số liệu và thủ tục thanh quyết toán, tạm ứng các công tác sửa chữa, là thành viên tham gia thu hồi vật t-. Hàng quý lập báo cáo chi tiết, định kì 1 năm tiến hành công việc đối chiếu xác minh công nợ nhằm đảm bảo tính thực tế của số liệu kế toán trong thanh toán vốn đầu t- XD CB.

+ Kế toán l- ơng, BHXH: thực hiện thanh toán l- ơng và BHXH cho cán bộ công nhân viên, mở sổ thanh toán l- ơng cho từng cán bộ công nhân viên theo bộ phận phòng ban sổ tổng hợp thanh toán l- ơng. Phân tích l- ơng khoán, l- ơng theo thời gian. Thực hiện ghi chép kế toán tiền l- ơng, khoản trích và thanh toán BHXH, BHYT, KPCĐ và các khoản thanh toán l- ơng cho các cán bộ công nhân viên.

+ Kế toán doanh thu: theo dõi chi tiết và tổng hợp toàn bộ doanh thu, lập các báo cáo định kì theo tháng, năm. Hàng ngày cập nhật vào sổ kịp thời chính xác dựa vào biên lai thu....

- Thủ quỹ (1 ng- ời): Thu chi tiền mặt theo phiếu đ- ợc lập đúng quy định, hàng ngày đi ngân hàng nộp rút tiền mặt về quỹ theo quy định của nhà n- ớc, vào sổ kịp thời những khoản thu đối chiếu với kế toán thanh toán cuối ngày rút số d- tồn quỹ, cuối ngày phải tiến hành kiểm quỹ, cuối tháng kiểm kê quỹ lập biên bản.

- Kế toán thanh toán (1 ng- ời): Kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ, mở sổ theo dõi các khoản tiền mặt, TGNH, tạm ứng, CCDC, các nghiệp vụ phát sinh trong ngày. Theo dõi tiền gửi tại các ngân hàng, đối chiếu thủ quỹ các khoản thu chi trong ngày, xác định tồn quỹ cuối ngày cuối tháng. Lập chứng từ ghi sổ và hàng ngày đối chiếu, vào sổ chi tiết theo dõi tiền thanh lý nhà. Kiểm tra việc viết phiếu xuất nhập kho. Đôn đốc các đơn vị cá nhân thanh toán hoàn tạm ứng.

2.1.4.2: Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

Đề phù hợp với tình hình thực tế, công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: theo đồng Việt Nam. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền sử dụng trong kế toán theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ là phương pháp đường thẳng.
- Ph- ơng pháp hạch toán hàng tồn kho theo ph- ơng pháp Nhập tr- ớc - Xuất tr- ớc.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty**2.1.4.3.1 Tổ chức hệ thống chứng từ**

Toàn bộ chứng từ kế toán do công ty lập hoặc từ bên ngoài về được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tín chính xác, tính hợp pháp của chứng từ, từ đó những chứng từ đã có đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như tính hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ, bổ sung sau.

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

*Hệ thống chứng từ áp dụng tại công ty: Hệ thống chứng từ áp dụng của công ty đa dạng và thường xuyên vận động, được lập theo mẫu do nhà nước quy định, công ty sử dụng hóa đơn GTGT theo đúng qui định hiện hành của Tổng Cục thuế và Bộ tài chính.

- + Biên lai thu tiền thuê nhà: được sử dụng chủ yếu.
- + Phiếu chi, phiếu thu.
- + Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.
- + Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- + Séc chuyển khoản.
- +

* Hệ thống các tài khoản: Công ty đã áp dụng các tài khoản kế toán theo đúng quy định, chuẩn mực kế toán.

2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Công ty TNHH MTV thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà n- ốc và để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý, sửa chữa nâng cấp, thu tiền thuê nhà và kinh doanh nhà. Công ty đã vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, do đó công tác kế toán đ- ợc tiến hành nhanh chóng, thông tin kế toán đ- ợc cung cấp kịp thời chính xác và tiết kiệm về thời gian.

*Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ :

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- +Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

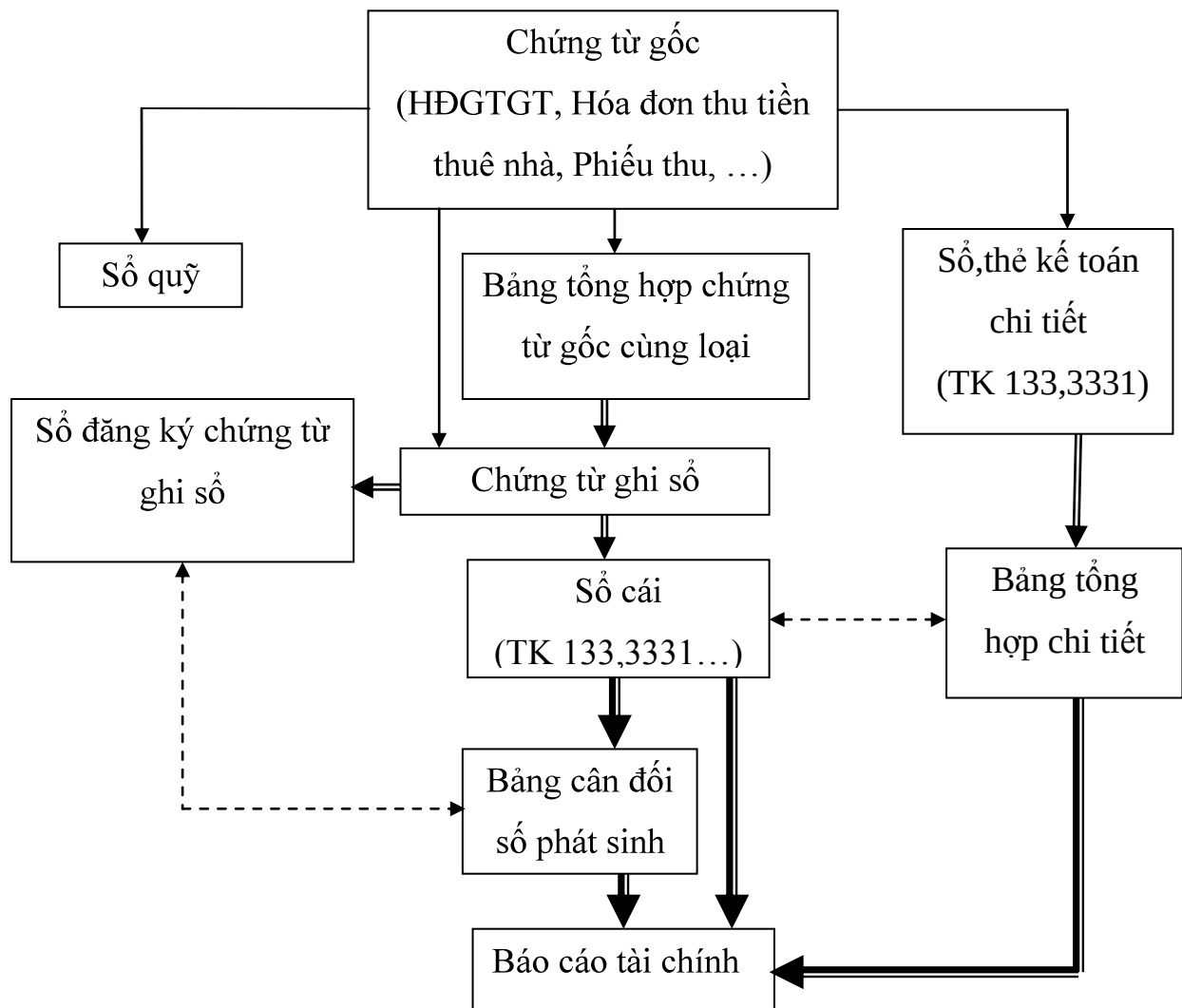
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

*Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- +Chứng từ ghi sổ
- +Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- +Sổ cái hình thức chứng từ ghi sổ
- +Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết
- +Bảng Cân đối số phát sinh

Tùy theo yêu cầu công việc của từng bộ phận kế toán sử dụng các loại sổ trên đảm bảo tính pháp lý và đúng quy định.

Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

◄-----► Đối chiếu kiểm tra

Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối quý, năm

⇒ Ghi cuối tháng

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thu tiền thuê nhà,...) kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Cuối tháng, căn cứ vào vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ sổ chi tiết kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết.
- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

☞ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

* Hệ thống báo cáo tài chính:

- Bảng cân đối kế toán(Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh(Mẫu B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ(Mẫu B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính(Mẫu B09-DN).

2.2: Thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.

2.2.1: Sản phẩm hàng hóa và các mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

2.2.1.1: Sản phẩm hàng hóa tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng là một công ty kinh doanh nhà cho nên hoạt động chủ yếu là cho các hộ gia đình hoặc các đơn vị thuê nhà, xây dựng giao thông, xây dựng thủy lợi, trang trí nội thất hay thu được các công trình giao khoán xây dựng của Nhà nước...

2.2.1.2: Các mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng tại công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng hiện đang áp dụng mức thuế suất là:

- Đối với hoạt động mua vào công ty có 2 mức thuế suất là:

+ Mức thuế suất 10% áp dụng với hàng hóa, dịch vụ đầu vào của công ty như: điện, các dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông, đồ dùng văn phòng, dịch vụ bưu điện và Internet, các dịch vụ tư vấn, tiếp khách, cước vận chuyển, xăng dầu,....

+ Mức thuế suất 5% áp dụng với hàng hóa, dịch vụ đầu vào như: nước

- Đối với hoạt động kinh doanh của công ty thì chỉ áp dụng mức thuế suất là 10%. Đây là mức thuế suất được áp dụng đối với dịch vụ cung cấp: cho thuê nhà khối dân và khối cơ quan, các khoản thu từ việc thanh lý nhượng bán nhà, thu từ việc kinh doanh phát triển nhà...

*** Phương pháp tính thuế**

Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy công ty thực hiện đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của nhà nước.

- Biên lai thu tiền thuê nhà theo mẫu in riêng của Công ty có 2 liên, một liên 1- u lại ở cuống, một liên giao cho người nộp tiền:

Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho người nộp tiền

- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 01 GTGT)

- Bảng kê hóa đơn chứng từ HHDV mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các chứng từ hóa đơn đặc thù khác.

* Số thuế GTGT phải nộp hàng kỳ của công ty (theo phương pháp khấu trừ) được xác định theo công thức:

Số thuế GTGT phải nộp	=	Số thuế GTGT đầu ra	-	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
-----------------------	---	---------------------	---	------------------------------------

Trong đó:

+ Số thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra ghi trên hóa đơn GTGT.

Thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT bằng giá tính thuế của HHDV chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế GTGT của HHDV đó.

+ Thuế GTGT đầu vào bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua HHDV dùng cho sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT.

- Trường hợp đi mua hàng phát sinh hóa đơn đặc thù thì thuế GTGT đầu vào được xác định như sau:

$$\frac{\text{Doanh số bán chưa có thuế GTGT}}{\text{GTGT}} = \frac{\text{Giá bán có thuế GTGT}}{1 + \% \text{ thuế suất thuế GTGT}}$$

Thuế GTGT = Doanh số bán chưa có thuế GTGT x % thuế suất thuế GTGT

2.2.2: Kế toán tổng hợp thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

2.2.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

Một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu vào gồm:

+ Hóa đơn GTGT do người bán cấp khi mua đồ dùng văn phòng, TSCĐ, dịch vụ,...

+ Hóa đơn GTGT do người cung cấp dịch vụ chuyên giao khi thuê vận chuyển.

+ Hóa đơn dịch vụ viễn thông

+ Hóa đơn tiền điện, nước

+ Hóa đơn GTGT và mẫu hóa đơn

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng là : TK 133 “ Thuế GTGT được khấu trừ”

- TK này sử dụng cho những đối tượng khấu trừ thuế, thuộc nhóm TK phải thu.

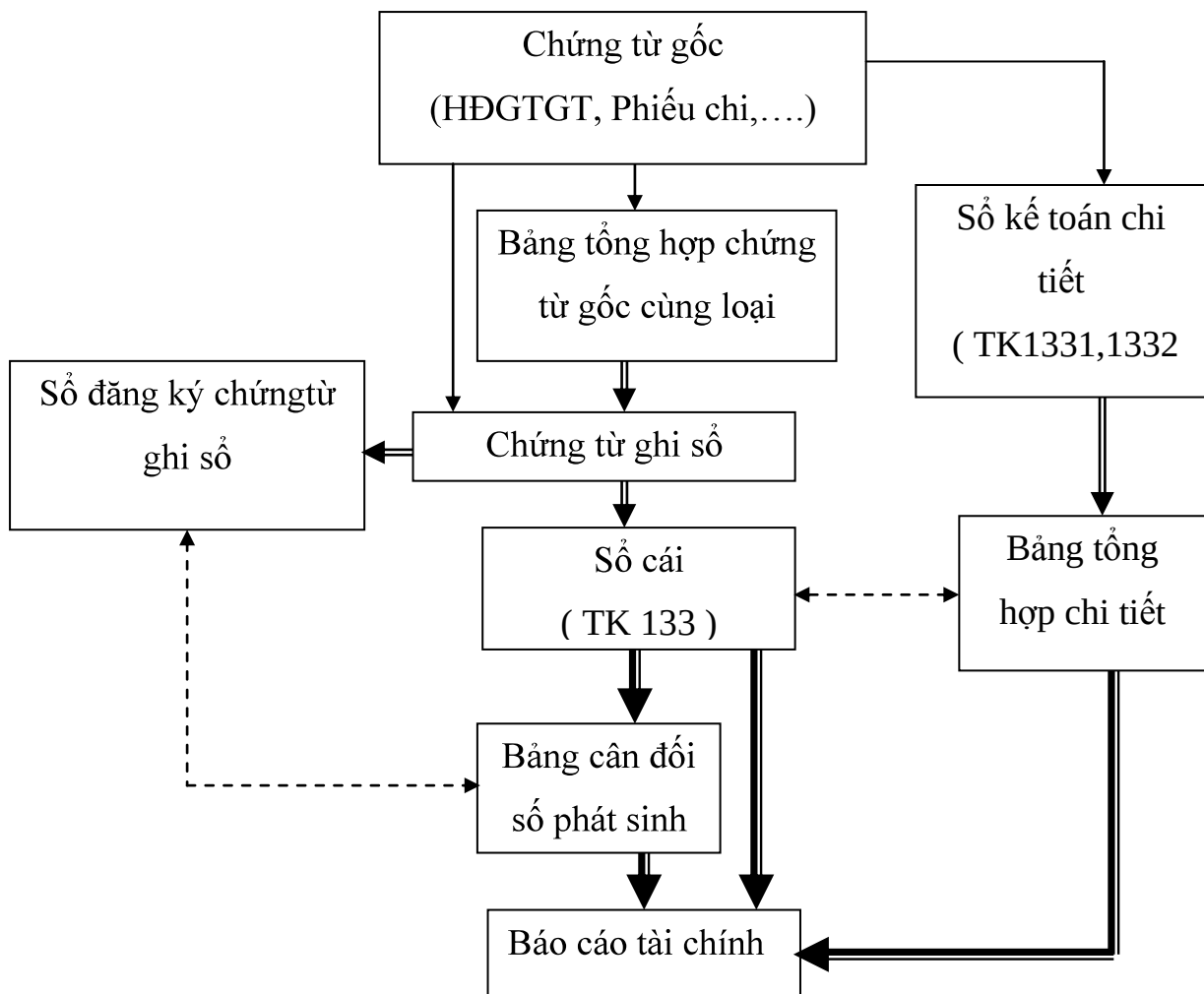
Tài khoản 133 có 2 TK cấp 2:

1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ

1332 – Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ

2.2.1.3. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

←-----→ Đối chiếu kiểm tra

Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối quý, năm

⇒ Ghi cuối tháng

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT, Phiếu chi,...) kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng, căn cứ vào vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ sổ chi tiết kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

- Ngày 5/12/2013 mua mực máy photo phục vụ công tác văn phòng theo hóa đơn GTGT số PB/13P– 0026534. Trong đó tiền hàng là: 818.182, tiền thuế GTGT (10%) là 81.818 đồng.

Nghiệp vụ trên được kế toán ghi vào sổ theo định khoản sau:

Nợ TK 642: 818.182

Nợ TK 133: 81.818

Có TK 111: 900.000

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Phiếu chi,... kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK133.
 - Cuối tháng, căn cứ vào vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK133, 642, 111. Đồng thời ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ sổ chi tiết TK133 kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết TK 133.
 - Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.
- Ngày 12/12/2013 mua văn phòng phẩm của công ty TNHH và DV Sao Việt theo hóa đơn số GK/13P – 0074299. Tổng tiền thanh toán là: 707.850, tiền thuế GTGT (10%) là 64.350đ.

Nghiệp vụ trên được kế toán ghi vào sổ theo định khoản sau:

Nợ TK 642: 643.500

Nợ TK 133: 64.350

Có TK 111: 707.850

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Phiếu chi,... kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK133.
- Cuối tháng, căn cứ vào vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK133, 642, 111. Đồng thời ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ sổ chi tiết TK133 kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết TK 133.
- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

HOÁ ĐƠN Mẫu số 01/GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG/PB / 13P

Liên 2: Giao cho khách hàng 0026534

Ngày 05 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH và DV Sao Việt

Địa chỉ: Số 60 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại: 0313 242628/ 213721

MST: 0200817046

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Vân

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà HP

Địa chỉ: Số 24 - Phan Bội Châu - Hải phòng

Số TK: 102010000212829

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: 0200156068

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Mực máy photo	Túi	01	818.182	818.182
Cộng tiền hàng				818.182	
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT : 81.818					
Tổng tiền thanh toán : 900.000					
Số tiền bằng chữ: Chín trăm nghìn đồng chẵn./.					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

HOÁ ĐƠNMẫu số 01/GTKT- 3LL**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**GT / 13P

Liên 2: Giao cho khách hàng0074299

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty CP thương mại và dịch vụ Đa Phúc

Địa chỉ: Số 81 - Cát Cụt - An Biên - Lê Chân - Hải Phòng

Điện thoại: 0313 242628/ 213721

MST: 0201271899

Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Thủy

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà HP

Địa chỉ: Số 24 - Phan Bội Châu - Hải Phòng

Số TK: 102010000212829

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: 0200156068

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Phong bì	Tập	05	4.500	22.500
2	Sổ A4	Quyển	20	15.000	300.000
3	Ghim cài C62	Hộp	50	29.000	145.000
4	Gập ghim	Cái	02	6.000	12.000
5	Cặp còng	Cái	10	16.400	164.000
Cộng tiền hàng			643.500		
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT: 64.350		
Tổng tiền thanh toán					707.850
Số tiền bằng chữ: Bảy trăm linh bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng./.					

Người mua hàng

(ký, họ tên)

Người bán hàng

(ký, họ tên)

Thủ tr- ợng đơn vị

(ký, đóng dấu, họ tên)

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh
nhà Hải Phòng
Địa chỉ : Số 24 Phan Bội Châu

Mẫu số: S04 –H
(Ban hành theo quy định số: 99TC/QĐ/CĐKT
ngày 2/11/1996 của Bộ tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI (GHI CÓ TK 111)**Tháng 12 /2013****Số: TH01/12**

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK111, Ghi Nợ TK:						
Số hiệu	Ngày tháng		133	642	112	334	635	...	Cộng
PC 01/12	02/12	Tiền mua xăng A92 cho xe 16K7948	85.000	850.000					935.000
PC 02/12	05/12	Mua mực máy photo của Công ty TNHH và DV Sao Việt	81.818	818.182					900.000
PC 05/12	12/12	Mua văn phòng phẩm của công ty TNHH và DV Sao Việt	64.350	643.500					707.850
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
PC 15/12	28/12	Nộp tiền vào tài khoản			1.569.789.000				1.569.789.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	156.800.000	365.500.000	2.356.243.360	500.685.250	21.384.480	...	4.475.325.210

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S01a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12	642	111	365.500.000	
Tiền thuế GTGT 10% tháng 12	133	111	156.800.000	
Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng tháng 12	112	111	2.356.243.360	
Trả lương tháng 11	334	111	500.685.250	
...	...	...	...	
Cộng	x	x	4.475.325.210	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S02b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
...	...	...
01/12	31/12	3.515.573.546
02/12	31/12	4.475.325.210
...	...	...
10/12	31/12	242.903.983
...	...	...
12/12	31/12	559.568
...	...	...
53/12	31/12	9.454.730.504
54/12	31/12	8.596.110.597
55/12	31/12	7.137.575.758
56/12	31/12	939.253.614
57/12	31/12	6.139.253.614
...	...	...
Cộng		184.804.341.767

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Số hiệu: 133

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
			<u>Số dư đầu tháng 12</u>		-	
31/12	01/12	31/12	Tiền thuế GTGT 10% tháng 12	111	156.800.000	
31/12	03/12	31/12	Tiền thuế GTGT 10% tháng 12	112	103.280.000	
31/12	08/12	31/12	Tiền thuế GTGT 10% tháng 12	336	99.980.027	
31/12	15/12	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	3331		360.060.027
			Cộng phát sinh tháng 12		360.060.027	360.060.027
			<u>Số dư cuối tháng 12</u>		-	

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang ...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S10 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1331– Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
Năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
		<u>Số dư đầu tháng 12</u>		-	
05/12	0026534	Mua mực máy photo	111	81.818	
12/12	0074299	Mua văn phòng phẩm	111	64.350	
14/12	0000042	Mua máy tính	111	782.100	
14/12	0456922	Tiền điện thoại	111	147.205	
...	...	...	...	...	
22/12	0025698	Chi phí tiếp khách	111	1.259.850	
...	...	...	...	...	
24/12	3678936	Mua máy photo	1121	2.869.000	
25/12	0035612	Chi phí sửa chữa khu tập thể Cầu Tre của đơn vị cấp dưới Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà	336	18.577.000	
...	...	...	...	...	
28/12	0256369	Mua lịch lò xo, túi lịch, thiệp xuân	111	5.698.000	
...	...	...	...	...	
31/12	PKT 08	Kết chuyển bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra	3331		360.060.027
		Cộng Số Phát Sinh Tháng 12		360.060.027	360.060.027
		<u>Số dư cuối tháng 12</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp

Hàng ngày, tại Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà HP các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thuế GTGT đầu ra thường là: thuế từ những nghiệp như thu tiền thuê nhà, thu từ việc thanh lý nhượng bán nhà, thu từ việc kinh doanh phát triển nhà,...

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

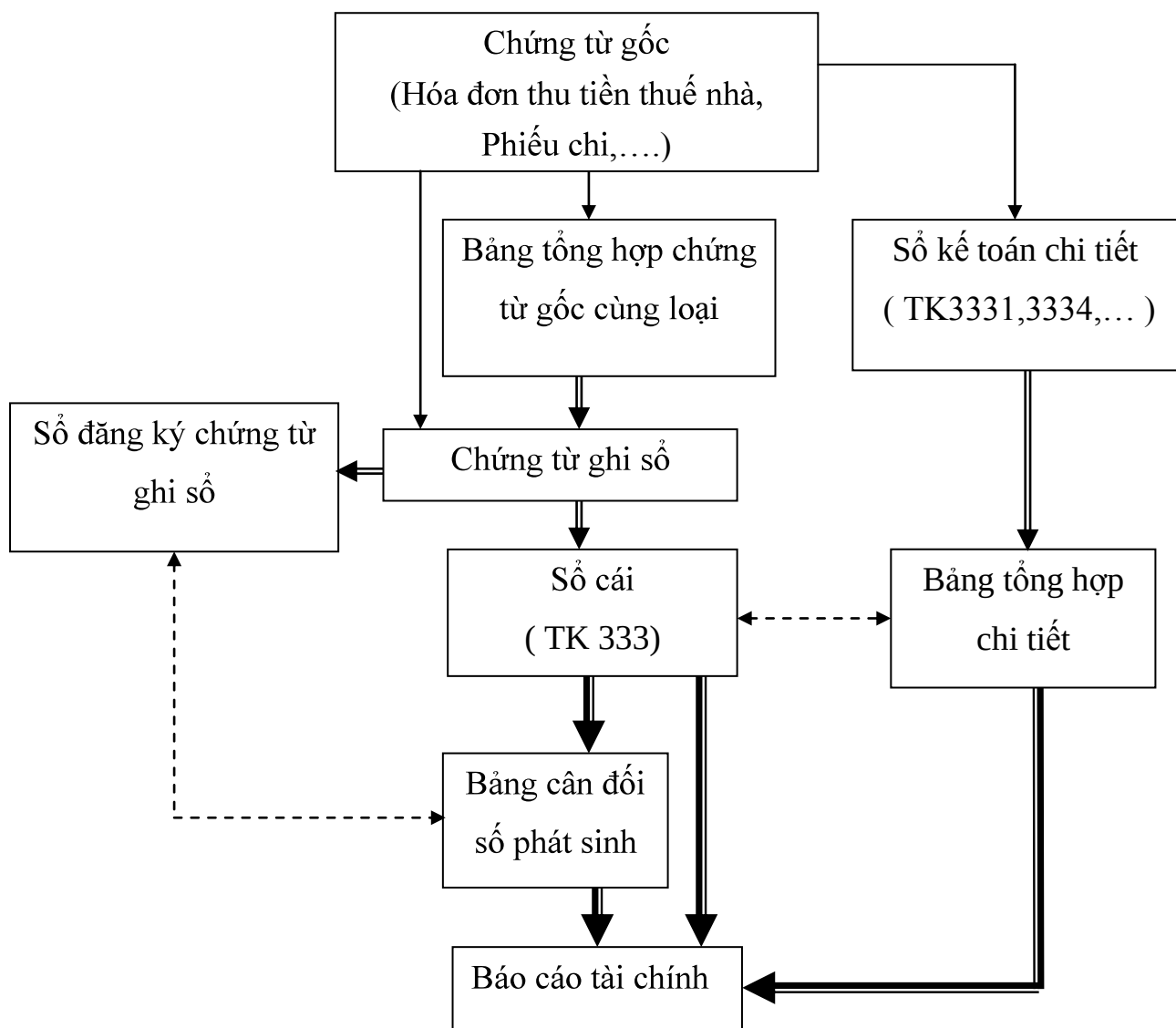
- Hóa đơn thu tiền cho thuê nhà theo mẫu riêng của Công ty. Ngoài ra đối với các hoạt động kinh doanh, xây lắp thì công ty sử dụng mẫu riêng.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng là : TK 3331 “ Thuế GTGT phải nộp”

- TK này có thể có số dư Có hoặc số dư Nợ: số dư Có thể hiện số thuế GTGT còn phải nộp, số Nợ phản ánh số thuế GTGT hiện nộp thừa.

2.2.2.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

←-----→ Đối chiếu kiểm tra

————→ Ghi hàng ngày

====→ Ghi cuối quý,năm

====→ Ghi cuối tháng

Ví dụ minh họa:

○ Ngày 25/12/2013: Thu tiền cho thuê nhà khối dân khu TT Lâm Trường bằng tiền mặt, tổng số tiền là 357.500.000 trong đó thuế GTGT 10% là 32.500.000đ.

Nghiệp vụ trên được kế toán ghi vào sổ theo định khoản sau:

Nợ TK111: 357.500.000

Có TK 511(7): 325.000.000

Có TK3331: 32.500.000

- Vào đầu mỗi tháng, công ty in sẵn từng hóa đơn thu tiền nhà cho từng khách hàng và giao cho nhân viên thu ngân đi thu tiền nhà ở từng khu vực cho thuê nhà. Hóa đơn có 2 liên, liên 1 được giữ lại lưu tại cuốn, liên 2 giao khách hàng.

- Đến cuối tháng, các nhân viên thu ngân sẽ nộp lại tiền thu được cho công ty, kế toán sẽ tập hợp lại lập bảng kê thu tiền, phiếu thu. Căn cứ vào các chứng từ gốc (Hóa đơn thu tiền thuê nhà, Phiếu thu,...) kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK3331. Căn cứ vào vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK3331, 511, 111. Đồng thời ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ sổ chi tiết TK133 kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG c«ng ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HP HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (GTGT) Liên 1: LƯu Ký hiệu: AA/13T Số hoá đơn: 1000786 Tên khách hàng: Trần Thị Hồng Địa chỉ: 39/C T2T5 Lâm T- ờng Mã nhà: 02_08_01_003_002 Trả tiền thuê nhà tháng: 12/2013 Số tiền nộp theo HĐ: 550.000 Tăng 0 Giảm 0 Thuế GTGT 55.000 Số tiền thực nộp 605.000 Ng- ời thu tiền: Vũ Thị Cúc Thu tiền ngày 25 tháng 12 năm 2013 CV số: 37/CT/HC ngày 14/03/2008 của CT Hải Phòng SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG c«ng ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ Số 24 Phan Bội Châu MST: 0200156068 TK: 102010000212829 NHCT Hồng Bàng Tên khách hàng: Trần Thị Hồng Địa chỉ: 39/C T2T5 Lâm T- ờng Số tài khoản: 02_08_01_003_002 HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (GTGT) Liên 2: Giao cho người nộp tiền Ký hiệu: AA/13T Ngày 25 tháng 12 năm 2013 HĐ: 1000786 Trả tiền thuê cho tháng:12/2013 Mã số thuế: Mã nhà: Số hợp đồng: <table><tr><th>Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)</th><th>Số tiền nộp theo phụ lục HĐ</th><th>Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế</th><th>Thuế GTGT10%</th><th>Tổng số tiền phải nộp</th></tr><tr><td></td><td>TăngGiảm</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>550.000</td><td>00</td><td>550.000</td><td>55.000</td><td>605.000</td></tr></table> Sáu trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn. Thu tiền ngày 25 tháng 12 năm 2013 Công ty TNHH một thành viên Ng- ời thu tiềnQuản lý và Kinh Doanh Nhà HP Ghi chú: Bên thu lu giữ lại hoá đơn để đối chiếu khi cần thiết Tổng số tiền chưa thanh toán của bên thuê đến tháng : 0	Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HĐ	Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế	Thuế GTGT10%	Tổng số tiền phải nộp		TăngGiảm				550.000	00	550.000	55.000	605.000
Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HĐ	Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế	Thuế GTGT10%	Tổng số tiền phải nộp											
	TăngGiảm														
550.000	00	550.000	55.000	605.000											

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG		SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG		HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (GTGT)															
c«ng ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HP HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (GTGT) <i>Liên 1: LƯU</i> Ký hiệu: AA/13T Số hoá đơn: 1000787 Tên khách hàng: Nguyễn Thế Tâm Địa chỉ: 39/C T2T5 Lâm T-ờng Mã nhà: 02_08_01_003_015 Trả tiền thuê nhà tháng: 12/2013 Số tiền nộp theo HĐ: 618.000 Tăng 0 Giảm 0 Thuế GTGT 61.800 Số tiền thực nộp 679.800 Ng-ời thu tiền: Vũ Thị Cúc Thu tiền ngày 25 tháng 12 năm 2013 CV số: 37/CT/HC ngày 14/03/2008 của CT Hải Phòng		c«ng ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ Số 24 Phan Bội Châu MST: 0200156068 TK: 102010000212829 NHCT Hồng Bàng Tên khách hàng: Nguyễn Thế Tâm Địa chỉ: 39/C T2T5 Lâm T-ờng Số tài khoản: 02_08_01_003_015		Liên 2: <i>Giao cho người nộp tiền</i> Ký hiệu: AA/13T Ngày 25 tháng 12 năm 2013 HĐ: 1000787 Trả tiền thuê cho tháng: 12/2013 Mã số thuế: Mã nhà: Số hợp đồng:															
		<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)</th> <th colspan="2">Số tiền nộp theo phụ lục HĐ</th> <th rowspan="2">Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế</th> <th rowspan="2">Thuế GTGT10%</th> <th rowspan="2">Tổng số tiền phải nộp</th> </tr> <tr> <th>Tăng</th> <th>Giảm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>618.000</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>618.000</td> <td>61.800</td> <td>679.800</td> </tr> </tbody> </table>				Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HĐ		Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế	Thuế GTGT10%	Tổng số tiền phải nộp	Tăng	Giảm	618.000	0	0	618.000	61.800	679.800
Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HĐ		Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế	Thuế GTGT10%	Tổng số tiền phải nộp														
	Tăng	Giảm																	
618.000	0	0	618.000	61.800	679.800														
		Sáu trăm bảy chín nghìn tám trăm đồng. Thu tiền ngày 25 tháng 12 năm 2013 Công ty TNHH một thành viên Ng-ời thu tiền Quản lý và Kinh Doanh Nhà HP																	
		Ghi chú: Bên thu lu giữ lại hoá đơn để đối chiếu khi cần thiết Tổng số tiền chưa thanh toán của bên thuê đến tháng : 0																	

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG		SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG		HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (GTGT)															
c«ng ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HP HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (GTGT) <i>Liên 1: LƯu</i> Ký hiệu: AA/13T Số hoá đơn: 1000789 Tên khách hàng: Nguyễn Đăng Dũng Địa chỉ: 39/C T2T5 Lâm T-ờng Mã nhà: 02_08_01_003_001 Trả tiền thuê nhà tháng: 12/2013 Số tiền nộp theo HĐ: 350.000 Tăng 0 Giảm 0 Thuế GTGT 35.000 Số tiền thực nộp 385.000 Ng-ời thu tiền: Vũ Thị Cúc Thu tiền ngày 25 tháng 12 năm 2013 CV số: 37/CT/HC ngày 14/03/2008 của CT Hải Phòng		c«ng ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ Số 24 Phan Bội Châu MST: 0200156068 TK: 102010000212829 NHCT Hồng Bàng Tên khách hàng: Nguyễn Đăng Dũng Địa chỉ: 39/C T2T5 Lâm T-ờng Số tài khoản: 02_08_01_003_001		<i>Liên 2: Giao cho người nộp tiền</i> Ký hiệu: AA/13T Ngày 25 tháng 12 năm 2013 HĐ: 1000789 Trả tiền thuê cho tháng: 12/2013 Mã số thuế: Mã nhà: Số hợp đồng:															
		<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)</th> <th colspan="2">Số tiền nộp theo phụ lục HĐ</th> <th rowspan="2">Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế</th> <th rowspan="2">Thuế GTGT10%</th> <th rowspan="2">Tổng số tiền phải nộp</th> </tr> <tr> <th>Tăng</th> <th>Giảm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>350.000</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>350.000</td> <td>35.000</td> <td>385.000</td> </tr> </tbody> </table>		Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HĐ		Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế	Thuế GTGT10%	Tổng số tiền phải nộp	Tăng	Giảm	350.000	0	0	350.000	35.000	385.000		
Số tiền 01 tháng nộp theo HĐ (đ)	Số tiền nộp theo phụ lục HĐ		Số tiền 01 tháng phải nộp (đ) ch- a thuế		Thuế GTGT10%	Tổng số tiền phải nộp													
	Tăng	Giảm																	
350.000	0	0	350.000	35.000	385.000														
		Ba trăm tám mươi năm nghìn đồng chẵn. Thu tiền ngày 25 tháng 12 năm 2013 Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà HP Ng-ời thu tiền																	
		Ghi chú: Bên thu lu giữ lại hoá đơn để đối chiếu khi cần thiết Tổng số tiền chưa thanh toán của bên thuê đến tháng : 0																	

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN THU TIỀN THUÊ NHÀ (KHỐI DÂN)

Từ ngày 25/11/2013 đến ngày 25/12/2013

Số: 01/12

(Khu vực TT Lâm Trường)

Thu ngân: Vũ Thị Cúc

Tổ quản lý: Hồ Nam								
S T T	Số Seri	Số hợp đồng	Tên chủ hợp đồng	Địa chỉ	Tháng/ Năm	Số tiền	Thuế GTGT 10%	Tổng tiền
1	1000786	72/08LC	Trần Thị Hồng	31/CT2T3	12/2013	550,000	55,000	605.000
2	1000787	456/02LC	Nguyễn Thế Tâm	33/CT2T4	12/2013	618.000	61.800	679.800
3	1000788	464/02LC	Phạm Thị Xuân	34/CT2T4	12/2013	359,000	35,900	394,900
4	1000789	1661LC	Nguyễn Đăng Dũng	39/CT2T5	12/2013	350,000	35,000	385,000
5	1000790	465/02LC	Đặng Thị Thanh	40/CT2T5	12/2013	489,000	48,900	537,900
6	1000791	4069LC	Nguyễn Văn Tiệp	50/CT3T3	12/2013	365,000	36,500	401,500
7	1000792	1659LC	Đinh Văn Hoàng	51/CT3T3	12/2013	505,000	50,500	555.500
8	1000793	3925LC	Nguyễn Thị Vân	63/CT4T1	12/2013	502,000	50,200	552,200
9	1000794	32LC	Vũ Đình Yên	64A/CT4T1	12/2013	508,000	50,800	558,800
10	1000795	3764LC	Vũ Văn Luyến	64B/CT4T1	12/2013	266,000	26,600	292,600
11	1000796	4262LC	Tô Văn Minh	67/CT4T2	12/2013	407,000	40,700	447,700
12	1000797	02/05LC	Vũ Thị Cậy	70/CT4T3	12/2013	358,000	35,800	393,800
13	1000798	5395LC	Ngô Thị L-ơng Đạm	71/CT4T3	12/2013	362,000	36,200	398,200
14	1000799	5397LC	Bùi Huy Lý	24/CT1T1	12/2013	666,000	66,600	732,600
...	...		...	...	...	...	...	...
Tổng tiền:						325.000.000	32.500.000	357.500.000

Kế toán**Thủ quỹ****XNQLKDN****Tổ quản lý****Thu ngân**

Vũ Thị Cúc

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh
nhà Hải Phòng
Địa chỉ : Số 24 Phan Bội Châu

Mẫu số: S04 –H
(Ban hành theo quy định số: 99TC/QĐ/CĐKT
ngày 2/11/1996 của Bộ tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI (GHI NỢ TK 111)**Tháng 12 /2013****Số: TH 02/12**

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111, Ghi Có TK:				
Số hiệu	Ngày tháng		3331	511	112	...	Cộng
...	...	...	...	...	...	...	...
BK 01/12	25/12	Thu tiền nhà khối dân thuộc khu TT Lâm Trường	32.500.000	325.000.000			357.500.000
BK02/12	25/12	Thu tiền nhà khối dân thuộc khu Cầu Tre – Vạn Mỹ	40.400.000	404.000.000			444.400.000
BK 03/12	28/12	Thu tiền nhà khối dân thuộc khu 21/41 Cầu Đất HP	24.700.000	247.000.000			271.700.000
PT 48/12	28/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ			280.000.000		
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	200.648.000	1.768.550.000	858.458.000	...	3.515.573.546

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S02a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền thuê nhà tháng 12	111	511	1.768.550.000	
Thuế GTGT 10% tháng 12	111	3331	200.648.000	
Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	112	858.458.000	
...	...	...	...	
Cộng	x	x	3.515.573.546	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S02b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng	
...	...	...
01/12	31/12	3.515.573.546
02/12	31/12	4.475.325.210
...	...	...
10/12	31/12	242.903.983
...	...	...
12/12	31/12	559.568
...	...	...
53/12	31/12	9.454.730.504
54/12	31/12	8.596.110.597
55/12	31/12	7.137.575.758
56/12	31/12	939.253.614
57/12	31/12	6.139.253.614
...	...	...
Cộng		184.804.341.767

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2013

Tên tài khoản: Thuế GTGT đầu ra

Số hiệu: 333

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
			<u>Số dư đầu tháng 12</u>			-
31/12	01/12	31/12	Thuế GTGT 10% thu bằng tiền mặt tháng 12	111		200.648.000
31/12	02/12	31/12	Thuế GTGT 10% thu bằng TGNH tháng 12	112		102.615.324
...	...	...		...	...	...
31/12	45/12	31/12	Thuế GTGT được khấu trừ	133	360.060.027	
			Cộng phát sinh tháng 12		360.060.027	550.045.541
			<u>Số dư cuối tháng 12</u>			<u>189.985.514</u>

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang ...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Quản lý
và kinh doanh nhà Hải Phòng
Địa chỉ: Số 24 – Phan Bội Châu

Mẫu số: S10 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Năm: 2013

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
		<u>SDDK</u>			
...	...	...	...		
25/12	1000786	Thu tiền thuê nhà ở	111		55.000
25/12	1000787	Thu tiền thuê nhà ở	111		61.800
25/12	1000787	Thu tiền thuê nhà ở	111		35.000
...	...	...	...	...	...
26/12	1001256	Thu tiền thuê nhà tập đoàn CNg tàu thủy Việt Nam	1121		5.577.273
...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 08	Kết chuyển bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra	1331	360.060.027	
		Số Phát Sinh		360.060.027	400.051.262
		<u>SDCK</u>			<u>39.991.235</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.3: Kế khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

2.3.1. Kế khai thuế giá trị gia tăng

Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải phòng theo qui định thuộc **khai thuế GTGT theo tháng**. Vì vậy:

Hàng tháng sau khi xác định số thuế GTGT phải nộp, số thuế đã nộp, kế toán xác định số thuế cần phải nộp, số thuế nộp thừa và ngân sách nhà nước, từ đó lập tờ khai thuế GTGT theo mẫu qui định 01/GTGT do BTC phát hành. Căn cứ để lập tờ khai thuế gồm bảng kê khai hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào ,...

Sau khi lập tờ khai thuế GTGT, kế toán gửi cho cơ quan thuế kèm theo bảng tổng hợp, bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào và bảng tổng hợp, bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra. Theo qui định thời gian gửi tờ khai thuế GTGT hàng tháng **thì hạn nộp hồ sơ khai thuế GTGT tháng chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo**.

Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế” cung cấp cho Công ty các chức năng sau :

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

*** Qui trình lập tờ khai thuế GTGT:**

Để thuận tiện cho việc lập tờ khai thuế nhanh, chính xác hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hoá thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu

giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này).

Tại thời điểm năm 2013 công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng áp dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế theo phiên bản 3.1.7 với giao diện như sau:



Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “ Mã số thuế “. Sau đó kích chuột vào chữ “ Đồng ý “

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện như sau :

Thông tin chung về người nộp thuế

Mã số thuế: 0 2 0 0 1 5 6 0 6 8 -

Người nộp thuế: * Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở: * Số 24 - Phan Bội Châu - Hồng Bàng - Hải Phòng

Quận/ huyện: * Hồng Bàng

Tỉnh/ Thành phố: * Hải Phòng

Điện thoại: 031.3838847

Fax:

Email:

Ngành nghề kinh doanh:

Số TK ngân hàng:

Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm): * 01/01

Người ký tờ khai:

Cơ quan thuế cấp Cục: * HPH - Cục Thuế TP Hải Phòng 10300

Cơ quan thuế quản lý: * Chi cục Thuế Quận Hồng Bàng 10301

Tên đơn vị chủ quản: * ☐ Thông tin đơn vị chủ quản

Mã số thuế đơn vị chủ quản: *

Thông tin đại lý: ☐

Mã số thuế đại lý: *

Tên đại lý thuế: *

Địa chỉ trụ sở: *

Quận/ huyện: *

Tỉnh/ Thành phố: *

Điện thoại:

Fax:

Email:

Hợp đồng đại lý thuế: Số: *

Ngày: *

Họ và tên nhân viên đại lý thuế: *

Chứng chỉ hành nghề số: *

Ký hiệu * là bắt buộc nhập.

Ghi Đóng

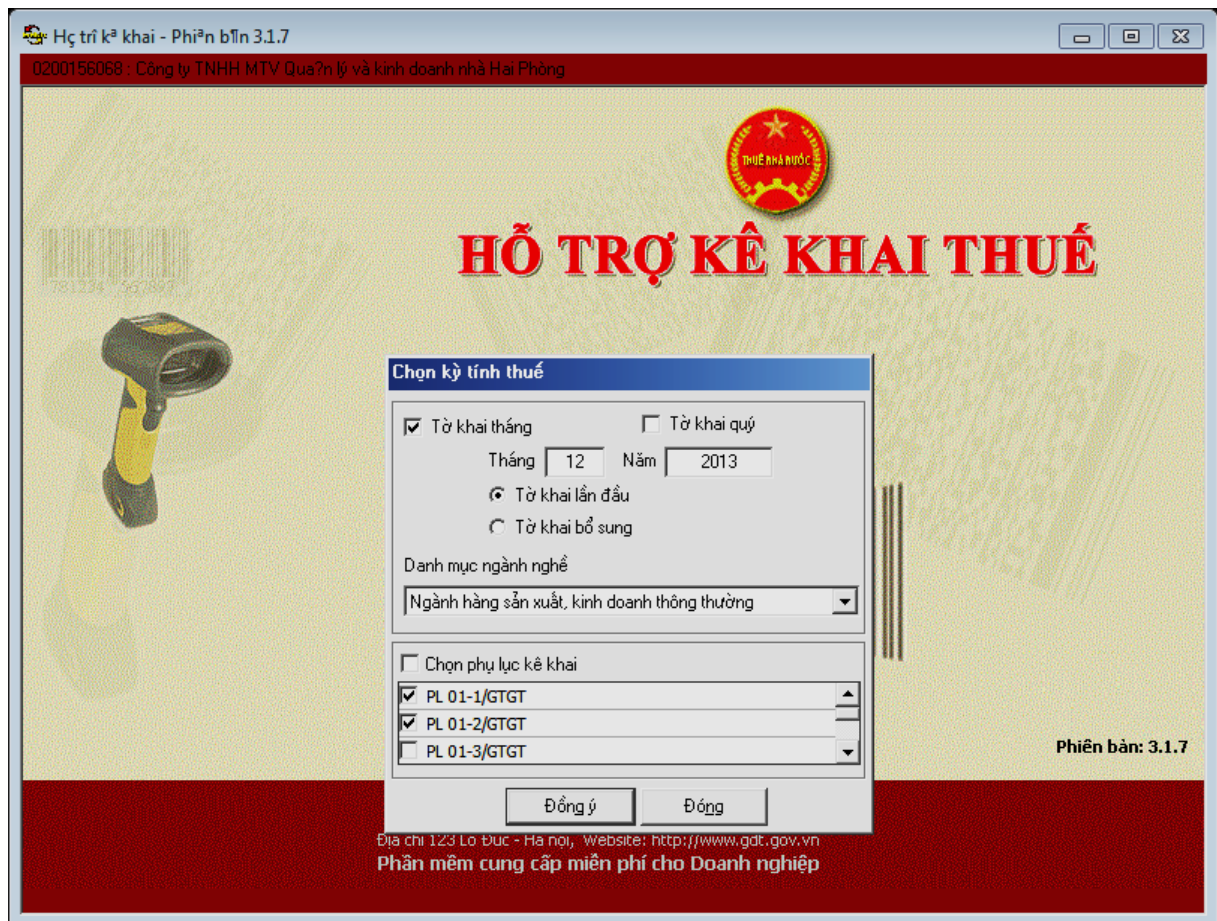
Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như :

- Người nộp thuế : ở đây phải điền là “ Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng “
- Địa chỉ trụ sở : ở đây điền là “ Số 24 Phan Bội Châu – Hồng Bàng – Hải Phòng”
- Quận/ huyện : ở đây điền là “ Quận Hồng Bàng”

- Tỉnh/ thành phố : ở đây điền là “ Hải Phòng”
 - Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.
 - Ngày bắt đầu năm tài chính : ở đây điền là “ 01/01 “
 - Cơ quan thuế cấp Cục : sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “ HPH – Cục thuế TP Hải Phòng “
 - Cơ quan thuế quản lý : sẽ có chi cục thuế các quận và thành phố. Kế toán chọn chi cục thuế quận Hồng Bàng vì Công ty do cục thuế quản lý.
- Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “ Ghi “ sau khi có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công”, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “Đóng”. Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.



Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “ Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT)”. Giao diện tiếp theo là :



Do công ty kê khai theo tháng nên kế toán sẽ chọn, tích vào ô tờ khai theo tháng và phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “ PL 01-1/GTGT “ và “ PL 01-2/GTGT “ rồi kích chuột vào “ đồng ý “. Kế toán chỉ sử dụng “ PL 01-3/GTGT “ sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “ Tờ khai “ , “ PL 01-1/GTGT “ , “ PL 01-2/GTGT “.

Kích chuột vào “ PL 01-1/GTGT “ nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Phần mềm kê khai - Phiên bản 3.1.7

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:								
1							0	0
Tổng							0	0
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:								
1							0	0
Tổng							0	0
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	0
Tổng							0	0
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1							0	0
Tổng							0	0
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	0
Tổng							0	0

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : 0

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : 0

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT : 0

Tờ khai PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT

1. Cách lập bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra:

Người nộp thuế (NNT) phải lập Bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV bán ra trong kỳ tính thuế để làm căn cứ lập Tờ khai thuế GTGT. Bảng kê hóa đơn chứng từ HHDV bán ra được lập theo **Mẫu số 01-1/GTGT** ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

NNT phải kê khai đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê. Trường hợp các chỉ tiêu không có số liệu thì bỏ trống. NNT không được tự ý thay đổi khuôn dạng của mẫu biểu như thêm vào hay cắt bớt hoặc thay đổi vị trí các chỉ tiêu.

Người nộp thuế thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán.

2. Căn cứ để lập bảng kê:

- Căn cứ để lập bảng kê là hóa đơn GTGT HHDV bán ra trong kỳ tính thuế, NNT kê khai toàn bộ hóa đơn GTGT đã xuất bán trong kỳ, bao gồm cả các hóa đơn đặc thù như tem vé, hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn xuất trả lại hàng.

- Hóa đơn bán ra tháng nào thì kê vào bảng kê hóa đơn GTGT HHDV bán ra tháng đó. Trường hợp trong kỳ tính thuế không phát sinh hàng hóa dịch vụ bán ra thì không phải lập bảng kê thuế GTGT đầu ra.

- Hóa đơn GTGT được ghi vào bảng kê cần phân loại theo nhóm chỉ tiêu HHDV không chịu thuế GTGT, HHDV có thuế suất GTGT 0%, thuế suất 5% và thuế suất 10%.

- Trường hợp trên 1 hóa đơn ghi chung cho nhiều mặt hàng thì ở cột “*Mặt hàng*”- Cột (7) có thể ghi 1 số mặt hàng chiếm doanh số chủ yếu của hóa đơn.

- Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dung chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của HHDV bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn, chứng từ.

3. Cách ghi cụ thể các chỉ tiêu trên Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra:

Dòng chỉ tiêu 1: “HHDV không chịu thuế”:

- Toàn bộ các hóa đơn bán ra trong tháng của HHDV không chịu thuế GTGT ghi vào nhóm này.

- Cột (1): Ghi thứ tự hóa đơn.

- Các cột (2,3,4,5,6,7,9,10): Ghi theo nội dung của từng hóa đơn.

- Cột (8): Doanh số chưa có thuế: Ghi tổng cộng doanh số chưa có thuế của HHDV không chịu thuế. Số liệu này dùng để ghi vào *chỉ tiêu* [26] trong Tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT.

- Cột (9): Thuế GTGT: Không ghi và bỏ trống.

Dòng chỉ tiêu 2: “HHDV chịu thuế suất GTGT 0%”

- Toàn bộ hóa đơn GTGT HHDV có thuế suất thuế GTGT 0% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế ghi vào trong chỉ tiêu này.

- Các cột (1,2,3,4,5,6,7,9,10): Ghi theo nội dung tương ứng của từng hóa đơn, tương tự như hướng dẫn ở chỉ tiêu 1.

- Cột (8): Doanh số chưa có thuế: Ghi tổng cộng doanh số chưa có thuế của HHDV loại có thuế suất 0%. Số liệu này dùng để ghi vào *chỉ tiêu* [29] trong Tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT.

- Cột (9): Thuế GTGT: Không ghi và bỏ trống.

Dòng chỉ tiêu 3: “ HHDV chịu thuế suất GTGT 5% ”:

- Toàn bộ hóa đơn GTGT HHDV có thuế suất thuế GTGT 5% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế ghi vào trong chỉ tiêu này.

- Các cột (1,2,3,4,5,6,7,9,10): Ghi theo nội dung tương ứng của từng hóa đơn, tương tự như hướng dẫn ở chỉ tiêu 1.

- Cột (8): Doanh số chưa có thuế: Ghi tổng cộng doanh số chưa có thuế của HHDV loại có thuế suất 5%. Số liệu này dùng để ghi vào *chỉ tiêu* [30] trong Tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT.

Trường hợp giá bán ghi trên hóa đơn đặc thù là giá đã có thuế GTGT thì căn cứ giá bán có thuế GTGT để tính ra giá bán chưa có thuế GTGT theo công thức:

Doanh số bán chưa có thuế GTGT = Giá bán ghi trên hóa đơn / (1 + thuế suất)

- Cột (9): Thuế GTGT: Thuế GTGT của HHDV bán ra Cột (9) = Cột (8) x 5%. Tổng số thuế GTGT của HHDV chịu thuế suất 5% dùng để ghi vào *chỉ tiêu* [31] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Dòng chỉ tiêu 4: “ HHDV chịu thuế suất GTGT 10% ”:

- Toàn bộ hóa đơn GTGT HHDV có thuế suất thuế GTGT 10% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế ghi vào trong chỉ tiêu này.

- Các cột (1,2,3,4,5,6,7,9,10): Ghi theo nội dung tương ứng của từng hóa đơn, tương tự như hướng dẫn ở chỉ tiêu 1.

- Cột (8): Doanh số chưa có thuế: Ghi tổng cộng doanh số chưa có thuế của HHDV loại có thuế suất 10%. Số liệu này dùng để ghi vào *chỉ tiêu* [32] trong Tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT.

- Cột (9): Thuế GTGT: Thuế GTGT của HHDV bán ra Cột (9) = Cột (8) x 10%. Tổng số thuế GTGT của HHDV chịu thuế suất 10% dùng để ghi vào *chỉ tiêu* [33] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Dòng chỉ tiêu 5: “ Hàng hóa dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT ”:

Chỉ tiêu này để kê khai hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa dịch vụ bán ra nhưng không phải khai thuế GTGT, không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT, áp dụng đối với các trường hợp sau:

+ NNT là đại lý bán hàng hóa, dịch vụ theo hình thức bán đúng giá, hưởng hoa hồng.

+ NNT có hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác hàng hóa: Không phải khai thuế GTGT đối với hàng hóa nhận xuất nhập khẩu ủy thác.

Dòng chỉ tiêu: “ Tổng doanh thu HHDV bán ra”:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại *cột (8)*, dòng tổng số của các loại HHDV không chịu thuế GTGT, HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 0%, 5%, 10%.

Dòng chỉ tiêu: “ Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại *cột (8)*, dòng tổng số của các loại: HHDV chịu thuế suất GTGT 0%, 5%, 10%. Tổng doanh thu HHDV bán ra ở chỉ tiêu này dùng để ghi vào *Chỉ tiêu [27]* trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Dòng chỉ tiêu: “ Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra”:

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại *cột (9)*, dòng tổng số của các loại HHDV chịu thuế suất GTGT 0%, 5%, 10%. Tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra ở chỉ tiêu này dùng để ghi vào *Chỉ tiêu [28]* trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ minh họa:

- Ngày 25/12/2013 : Hoá đơn GTGT số 1000786 do Công ty TNHH một thành viên Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng cung cấp cho hộ dân ở khu TT Lâm Trường . Nội dung hoá đơn là trả tiền thuê nhà tháng 12 năm 2013, với giá trị chưa thuế là 550.000 đồng, thuế suất 10%.

Kế toán kê khai như sau : vào phần 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%.Điền đầy đủ các thông tin như :

- Cột 2 : Ký hiệu hoá đơn là AA/13T
- Cột 3 : Số hoá đơn là 1000786
- Cột 4 : Ngày, tháng năm phát hành là ngày tháng ghi hoá đơn cho khách. Ở đây là 25/12/2013
- Cột 5: Tên người mua là chủ hợp đồng thuê nhà Trần Thị Hồng (khách lẻ)
- Cột 6 : Mã số thuế người mua : không có

- Cột 7: Mặt hàng (dịch vụ): Cho thuê nhà ở
- Cột 8 : Doanh số bán chưa có thuế : 550.000
- Cột 9 : Thuế suất 10%: 55.000

Phần mềm kê khai - Phiên bản 3.1.7

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:								
1							0	0
Tổng							0	0
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:								
1							0	0
Tổng							0	0
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	0
Tổng							0	0
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1	AA/13T	1000786	25/12/2013	Trần Thị Hồng (khách lẻ)		Thuê nhà ở	550.000	55.000
Tổng							550.000	55.000
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	0
Tổng							0	0
Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT :							550.000 55.000 550.000	

Bấm F5 - Thêm dòng
 Bấm F6 - Xóa dòng

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi. Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi “. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công “. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng”. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Chức năng khai - Phiên bản 3.1.7

Tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	0
Tổng							0	0
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1	AA/13T	1000786	25/12/2013	Trần Thị Hồng (khách lẻ)		Thuê nhà ở	550.000	55.000
2	AA/13T	1000787	25/12/2013	Nguyễn Thế Tâm (khách lẻ)		Thuê nhà ở	618.000	61.800
3	AA/13T	1000788	25/12/2013	Phạm Thị Xuân (khách lẻ)		Thuê nhà ở	359.000	35.900
4	AA/13T	1000789	25/12/2013	Nguyễn Đăng Dũng (khách lẻ)		Thuê nhà ở	350.000	35.000
5	AA/13T	1000790	25/12/2013	Đặng Thị Thanh (khách lẻ)		Thuê nhà ở	489.000	48.900
6	AA/13T	1000791	25/12/2013	Nguyễn Văn Tiếp (khách lẻ)		Thuê nhà ở	365.000	36.500
7	AA/13T	1000792	25/12/2013	Đinh Văn Hoàng (khách lẻ)		Thuê nhà ở	505.000	50.500
8	AA/13T	1000793	25/12/2013	Nguyễn Thị Văn (khách lẻ)		Thuê nhà ở	502.000	50.200
9	AA/13T	1000794	25/12/2013	Vũ Đình Yên (khách lẻ)		Thuê nhà ở	508.000	50.800
10	AA/13T	1000795	25/12/2013	Vũ Văn Luyện (khách lẻ)		Thuê nhà ở	266.000	26.600
11	AA/13T	1000796	25/12/2013	Tô Văn Minh (khách lẻ)		Thuê nhà ở	407.000	40.700
12	AA/13T	1000797	25/12/2013	Vũ Thị Cây (khách lẻ)		Thuê nhà ở	358.000	35.800
13	AA/13T	1000798	25/12/2013	Ngô Thị Lương Đạm (khách lẻ)		Thuê nhà ở	362.000	36.200
14	AA/13T	1000799	25/12/2013	Bùi Huy Lý (khách lẻ)		Thuê nhà ở	666.000	66.600
.....								
243	AA/13T	101020	31/12/2013	Phạm Thị Dương (khách lẻ)		Thuê nhà ở	589.000	58.900
244	AA/13T	101021	31/12/2013	Ngô Văn Huy (khách lẻ)		Thuê nhà ở	657.000	65.700
Tổng							4.000.512.620	400.051.262
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	0
Tổng							0	0
Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : 4.000.512.620 Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : 400.051.262 Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT : 4.000.512.620								
Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT Bấm F5 - Thêm dòng Bấm F6 - Xóa dòng Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng								

Giao diện trên là bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra tháng 12 năm 2013.

Ta thấy:

- Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra trong tháng 12/2013 là: 4.000.512.620đ.

- Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong tháng 12/2013 là: 400.051.262đ.

Tiếp theo, kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT “, nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

Chương trình khai - Phiên bản 3.1.7

Tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:							0			
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:							0			
Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT /										
Bấm F5 - Thêm dòng Bấm F6 - Xóa dòng										
Thêm phụ lục / Nhập lại / Ghi / In / Xóa / Kết xuất / Đóng										

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa mua vào của công ty. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. HHDV dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế .
2. HHDV không đủ điều kiện khấu trừ
3. HHDV dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ
4. HHDV dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện khấu trừ thuế
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT

1.Cách lập bảng kê:

Người nộp thuế (NNT) phải lập Bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào trong kỳ tính thuế để làm căn cứ lập Tờ khai thuế GTGT. Bảng kê hóa đơn chứng từ HHDV mua vào được lập theo mẫu số 01-2/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê. Trường hợp các chỉ tiêu không có số liệu thì bỏ trống. Người nộp thuế không được tự ý thay đổi khuôn dạng của mẫu biểu như thêm vào hay cắt bớt hoặc thay đổi vị trí các chỉ tiêu.

2. Căn cứ để lập bảng kê:

- Căn cứ để lập bảng kê là các hóa đơn GTGT, chứng từ, biên lai nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu của HHDV mua vào trong kỳ tính thuế, bao gồm cả các hóa đơn đặc thù như tem vé, hóa đơn nhận lại hàng do người mua trả lại hàng, chứng từ nộp thay thuế GTGT cho nhà thầu nước ngoài.

- NNT cần phân loại hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào được tập hợp vào bảng kê theo từng nhóm: HHDV dùng riêng cho sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT, không chịu thuế GTGT, dùng chung cho sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế và không chịu thuế GTGT, HHDV dùng cho dự án đầu tư. Khi kê khai hết các hóa đơn chứng từ của từng nhóm đều phải cộng các giá trị của các cột (8) và cột (10).

- Hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào trong kỳ không đủ điều kiện khấu trừ cũng phải kê vào bảng kê.

- Trường hợp trên 1 hóa đơn ghi nhiều loại HHDV thì ở cột “Mặt hàng” có thể ghi 1 số mặt hàng chiếm doanh số chủ yếu của hóa đơn.

- Đối với hóa đơn điều chỉnh giảm cho các hóa đơn đã mua vào trước đó thì ghi số giá trị âm bằng cách để trong ngoặc (...).

- Đối với hàng hóa, dịch vụ mua lẻ cho tiêu dùng như: điện, nước, xăng, dầu, dịch vụ bưu chính, viễn thông, dịch vụ khách sạn, ăn uống, vận chuyển hành khách, mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ và bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng khác bảng kê tổng hợp được lập theo từng nhóm mặt hàng, dịch vụ cùng thuế suất, không phải kê chi tiết theo từng hóa đơn.

Chú ý: Các hóa đơn bán hàng thông thường (không phải hóa đơn GTGT), hóa đơn bất hợp pháp thì không ghi vào bảng kê này.

3. Cách ghi cụ thể các chỉ tiêu trên Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào:

Dòng chỉ tiêu 1: “HHDV dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế”:

- Toàn bộ các hóa đơn chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ, biên lai nộp thuế của HHDV dùng riêng cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT của NNT trong kỳ tính thuế.

- *Cột (1)*: Ghi thứ tự hóa đơn.

- *Các cột (2,3,4,5,6,7)*: Ghi theo nội dung tương ứng của từng hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

- *Cột (8)*: Doanh số chưa có thuế, dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số chưa có thuế.

- *Cột (9)*: Thuế suất ghi theo thuế suất GTGT trên Hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc theo thuế suất quy định đối với HHDV đó trong trường hợp hóa đơn đặc thù.

- *Cột (10)*: Thuế GTGT số thuế GTGT theo hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc số thuế GTGT tính được đối với hóa đơn đặc thù ($10 = 8 \times 9$)

- *Cột (11)*: Ghi chú hoặc thời hạn thanh toán chậm trả: dùng để ghi chú hoặc ghi các thời hạn của các hóa đơn thanh toán chậm trả.

Dòng chỉ tiêu 2: “HHDV không đủ điều kiện khấu trừ”:

- Toàn bộ hóa đơn GTGT, chứng từ, biên lai nộp thuế của HHDV không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT theo hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế.

- Ví dụ:

+ Các hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế phát sinh quá 6 (sáu) tháng, kể từ tháng phát sinh hóa đơn, chứng từ.

+ Các hóa đơn GTGT mua hàng hóa có giá trị trên 20 triệu đồng nhưng thanh toán bằng tiền mặt.

+ Các hóa đơn mua tài sản cố định chuyên dùng phục vụ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh, tài sản cố định là nhà làm trụ sở văn phòng và các thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, các bệnh viện, trường học, tàu bay dân dụng, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch khách sạn.

+ Phần chênh lệch của giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng đối với hóa đơn mua tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

- NNT ghi theo từng hóa đơn chứng từ vào *các cột 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 và 11* tương tự như hướng dẫn ở các chỉ tiêu 1,2 và 3 nêu trên. Riêng đối với hóa

đơn mua ô tô vượt trên 1,6 tỷ đồng thì số liệu kê vào *cột 8* và *cột 10* chỉ kê phần giá trị chênh lệch không được khấu trừ, ở *cột 11* ghi rõ là “phần giá trị vượt mức quy định không được khấu trừ”.

Dòng chỉ tiêu 3: “HHDV dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ”:

- Chỉ tiêu này dành cho CSKD sản xuất kinh doanh hàng hóa vừa chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT, nhưng không hạch toán riêng được số thuế GTGT đầu vào dùng cho hoạt động SXKD chịu thuế GTGT.

- Kê vào chỉ tiêu này các hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế (đủ điều kiện khấu trừ thuế như hướng dẫn tại chỉ tiêu 1) của HHDV mua vào trong kỳ tính thuế dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT (không bao gồm hóa đơn, chứng từ mua tài sản cố định đã kê ở chỉ tiêu 1)

- *Cột (1)*: Ghi thứ tự hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

- *Các cột (2,3,4,5,6,7,8,9,10,11)*: Ghi theo nội dung tương ứng trên từng hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

Dòng chỉ tiêu 4: “HHDV dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện khấu trừ thuế”.

- Chỉ tiêu này dùng cho NNT mua HHDV dùng cho dự án đầu tư. Căn cứ hóa đơn chứng từ mua vào dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện khấu trừ thuế.

- NNT ghi từng hóa đơn, chứng từ vào *các cột 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11* tương tự như hướng dẫn ở các chỉ tiêu 1, 2 và 3 nêu trên.

- Trường hợp Người nộp thuế không có dự án đầu tư mới thì chỉ tiêu 4 không phải ghi.

- Trường hợp Người nộp thuế có dự án đầu tư mới nhưng chưa phát sinh doanh thu thì lập riêng Bảng kê 01-2/GTGT nhưng bảng kê này chỉ ghi chỉ tiêu 4 mà không ghi chỉ tiêu 1,2,3. Bảng kê này nộp kèm tờ khai mẫu số 02/GTGT.

Dòng chỉ tiêu 5: “HHDV không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT”:

- Chỉ tiêu này để kê khai hóa đơn, chứng từ đối với HHDV mua vào nhưng không áp dụng cho đối tượng tổng hợp kê khai tờ khai 01/GTGT, cụ thể:

+ NNT là đại lý bán hàng hóa, dịch vụ hoặc là đại lý thu mua hàng hóa theo hình thức bán mua đúng giá hưởng hoa hồng không phải khai thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ bán đại lý, hàng hóa thu mua đại lý. NNT thực hiện kê khai các chỉ tiêu này các hóa đơn GTGT của hàng hóa nhận bán đại lý.

+ NNT kinh doanh dịch vụ cho thuê tài chính không phải nộp tờ khai thuế GTGT đối với dịch vụ cho thuê tài chính mà chỉ nộp Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-2/GTGT, trong đó chỉ tiêu thuế GTGT mua vào

chỉ ghi tiền thuế GTGT của tài sản cho thuê phù hợp với hóa đơn GTGT lập cho doanh thu của dịch vụ thuê tài chính trong kỳ kê khai.

+ NNT có hoạt động xuất, nhập khẩu ủy thác hàng hóa: không phải khai thuế GTGT đối với hàng hóa nhận xuất, nhập khẩu ủy thác. Hóa đơn đầu vào của hàng hóa nhận xuất, nhập khẩu ủy thác được khai vào chỉ tiêu này nhưng không được sử dụng làm căn cứ để lập Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Dòng chỉ tiêu: “ Tổng giá trị HHDV mua vào”:

- Tổng giá trị HHDV mua vào là giá trị HHDV mua vào chưa có thuế (cột 8) của các chỉ tiêu 1,2,3,4.

- Trường hợp NNT không có dự án đầu tư mới là tổng cộng số liệu tại cột 8, dòng tổng số của các chỉ tiêu 1,2,3(không cộng chỉ tiêu 4). Số liệu của chỉ tiêu này dùng để ghi vào *chỉ tiêu [23]* trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

- Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới thì lập riêng Bảng kê 01-2/GTGT nhưng chỉ ghi chỉ tiêu 4 (không cộng chỉ tiêu 1,2,3). Số liệu này dùng để ghi vào *chỉ tiêu [22]* trên Tờ khai 02/GTGT.

Dòng chỉ tiêu: “ Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào”:

- Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào là tổng số thuế GTGT của các loại HHDV dùng cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số liệu tại *cột 10*.

- Trường hợp NNT không có dự án đầu tư mới là tổng cộng số liệu tại cột 10, dòng tổng cộng của các chỉ tiêu 1,2,3 (không cộng chỉ tiêu 4). Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng để ghi vào *chỉ tiêu [24]* trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

- Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới phải thực hiện khai tờ khai mẫu 02/GTGT, thì lập riêng Bảng kê 01-2/GTGT và chỉ ghi chỉ tiêu 4 (không cộng chỉ tiêu 1,2,3). Số liệu này dùng để ghi vào *chỉ tiêu [23]* trên tờ khai 02/GTGT. Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hoá đơn là những hoá đơn mua vào.

Ví dụ minh họa:

- Ngày 12/12/2013 : Công ty TNHH một thành viên Quản lý và kinh doanh nhà Hải phòng mua văn phòng phẩm của công ty CP thương mại và dịch vụ Đa Phúc theo hóa đơn GTGT số GT/13P – 0074299 với giá trị chưa thuế là 643.500 đồng, thuế suất 10%.

Kế toán kê khai như sau : vào phần 1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT. Khi kê khai phải điền đầy đủ các thông tin như :

- Cột 2 : Ký hiệu hoá đơn là GT/13P
- Cột 3 : Số hoá đơn là 0074299
- Cột 4 : Ngày, tháng năm phát hành là ngày tháng ghi hoá đơn cho khách.

Ở đây là 12/12/2013

- Cột 5: Tên người bán là Công ty CP thương mại và dịch vụ Đa Phúc
- Cột 6 : Mã số thuế người bán : 0201271899
- Cột 7: Mặt hàng : Văn phòng phẩm
- Cột 8 : Giá trị hàng hóa dịch vụ mua vào chưa có thuế : 643.500
- Cột 9 : Thuế suất : 10%.
- Cột 10: Thuế giá trị gia tăng : 64.350

Ứng dụng kê khai - Phiên bản 3.1.7

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:										
1	GK/13P	0074299	05/12/2013	Công ty CP thương mại và dịch vụ	0201271899	Số A4, ghim,...	643.500	10	64.350	
Tổng							643.500		64.350	
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
4. Hàng hoá, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
5. Hàng hoá, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:										
1							0	0	0	
Tổng							0		0	
Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:							643.500			
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:							64.350			
Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT										
Bấm F5 - Thêm dòng Bấm F6 - Xóa dòng Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng										

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi. Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi “. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “Đã ghi số liệu thành công”. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng”. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ mua vào.

Tờ khai - Phiếu báo - Phần 3.1.7

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1	GK/13P	0074299	05/12/2013	Công ty CP thương mại và dịch vụ	0201271899	Số A4, ghim,...	643.500	10	64.350
2	PB/13P	0026534	05/12/2013	Công ty TNHH và DV Sao Việt	0200817046	Mực máy photo	818.182	10	81.818
3	AA/13P	0000042	14/12/2013	Công ty TNHH Minh Vương	0200852369	Máy tính	7.821.000	10	782.100
4	AA/13T	5368915	14/12/2013	CN Viettel - Tập đoàn viễn thông	0100109106	Cước điện thoại	215.214	10	21.521
5	TD/13P	0001874	15/12/2013	Công ty TNHH cơ điện lạnh Trung	0200444556	Điều hòa Daikin FTXD 25	16.358.623	10	1.635.862
6	AA/13P	0004589	15/12/2013	Công ty TNHH và DV Sao Việt	0200817046	Giấy in A4 ngoại	857.645	10	85.765
7	AA/13P	0004596	16/12/2013	Công ty TNHH và DV Sao Việt	0200817046	Gập ghim, cặp công,...	456.287	10	45.629
8	AA/13P	0004675	16/12/2013	Công ty TNHH và DV Sao Việt	0200817046	Giấy photo	256.738	10	25.674
9	KD/13P	0002514	17/12/2013	Công ty TNHH thương mại Khang	0201271792	Máy tính	7.259.478	10	725.948
10	AA/13P	1154789	17/12/2013	Công ty CP điện nước lắp máy Hải	0200155561	Tiền điện khối văn phòng	1.567.890	10	156.789
11	PA/13P	0004189	18/12/2013	Công ty TNHH DV thủy sản Hải Đ	0102156235	Tiếp khách	8.567.000	10	856.700
12	AA/13P	0587899	19/12/2013	Viễn Thông Hải Phòng	0100237069	Tiền điện thoại	545.265	10	54.527
13	NB/13P	0062158	19/12/2013	Công ty CP ĐT&TM Việt Đức	0102136235	Lịch lò xo, túi lịch, thiệp xuân,...	56.980.000	10	5.698.000
Tổng							3.576.032.726		357.603.273
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:							3.576.032.726		
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:							357.603.273		

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

☺ Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng**Một số quy định chung :**

Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.

* Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm....) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

-[01] : Kỳ tính thuế : tháng 12 năm 2013

-[02] : Người nộp thuế : Công ty TNHH một thành viên Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

-[03] : Mã số thuế : 0200156068

-[04] : Địa chỉ trụ sở : 24 Phan Bội Châu – Hồng Bàng – Hải Phòng

-[05] : Quận/huyện : Hồng Bàng

-[06] : Tỉnh/thành phố : Hải Phòng

-[07] : Điện thoại : (031)3838847

-[08] : Fax : 0313838756

-[09]:Email:Congtytnhh1tvquanlyvakinhhdoanhnhahaiiphong@gmail.com

* Nếu có sự thay đổi các thông tin từ mã số [02] đến mã số [09], CSKD phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

* Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

* Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

☺Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTGT)**A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ**

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [21], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào **mã số [22]** của Tờ khai thuế GTGT kỳ này là số thuế đã ghi trên **mã số [43]** của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

C- Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà nước

I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

1. Chỉ tiêu “Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào”

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ

2. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”

- **Mã số [25]**: Số liệu ghi vào mã này là tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này

II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra trong kỳ

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”

- **Mã số [26]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

2. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”

- **Mã số [27]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

- **Mã số [28]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

2.a Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"

- **Mã số [29]**: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%

2.b. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :

- **Mã số [30]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

- **Mã số [31]:** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

2.c. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :

- **Mã số [32]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

- **Mã số [33] :** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

3. Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra

- **Mã số [34] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

$$[34] = [26] + [27]$$

- **Mã số [35] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [27]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

III Thuế giá trị phát sinh trong kỳ

- **Mã số [36] :** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số tiền thuế phát sinh trong kỳ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ đi số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ kỳ này.

$$[36] = [35] - [25]$$

IV. Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước

1. Chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước”:

- **Mã số [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng tổng thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ kê khai trước.

2. Chỉ tiêu “Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước”:

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh giảm tổng thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ kê khai trước.

V. Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh Mã số [39]

VI. Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ”:

- **Mã số [40a]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] \geq 0$$

2. Chỉ tiêu “Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế” **Mã số [40b]**

3. Chỉ tiêu “ Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ”

$$\text{Mã số [40]} = [40a] - [40b]$$

4. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ”:

- **Mã số [41]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0$$

4.1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này ”

- **Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

Cơ sở kinh doanh không được chuyển sang khấu trừ của kỳ sau đối với số thuế đã đề nghị hoàn trong kỳ.

Cơ sở kinh doanh đã ghi số liệu vào ô mã số [42] thì phải gửi công văn đề nghị hoàn thuế và hồ sơ hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế.

Trường hợp cơ sở kinh doanh không ghi số thuế đề nghị hoàn vào ô mã số [42] của tờ

khai thì số thuế còn được khấu trừ này đã chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp.

Nếu sau đó cơ sở kinh doanh gửi công văn và hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho số thuế này thì cơ quan thuế sẽ không xét hoàn thuế.

4.2. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :

- **Mã số [43]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [22] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

Dưới đây là minh họa cho bài viết:

Hệ trị kê khai - Phiên bản 3.1.7

áp tờ khai

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2013
Lần đầu: ☒ ☐ Bổ sung lần thứ: ☐

Mã số thuế: 0200156068
Tên người nộp thuế: Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng
Tên đại lý thuế (nếu có):
Mã số thuế đại lý:
☐ Gia hạn
Trường hợp được gia hạn:

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	☐	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	3.576.032.726	357.603.273
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		357.603.273
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27] = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33])	4.000.512.620	400.051.262
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	0	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	0	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	4.000.512.620	400.051.262
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	4.000.512.620	400.051.262
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])		42.447.989
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước		0
2	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước		0
V	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh		0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] > 0)		42.447.989
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế		0
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40] = [40a] - [40b])		42.447.989
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0)		0
4.1	Thuế GTGT để nghị hoàn		0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42])		0

Nhân viên đại lý thuế
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

Người ký: Nguyễn Thị Kim Chi
Ngày ký: 20/01/2014

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Zoom Kết xuất Đóng

2.3.2. Nộp thuế giá trị gia tăng

Hàng tháng sau khi nhận được thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, trong thời gian quy định (chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo), kế toán công ty sẽ thực hiện nộp thuế theo đúng quy định.

Ví dụ minh họa: Ngày 22/12/2013 công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng nộp tiền thuế GTGT của kỳ tính thuế là tháng 11/2013 với số tiền là: 38.569.000đ. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK333(1): 38.569.000 - Có TK111,112: 38.569.000

CHƯƠNG III

MỘT Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng.

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, công ty đã phải trải qua biết bao những khó khăn phức tạp để tồn tại cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm qua ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần khẳng định vị trí của mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục trong toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của công ty. Điều đó đã mang lại công ăn việc làm cho những người lao động và góp phần không nhỏ vào ngân sách nhà nước.

Để có được những thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những cán bộ công nhân viên có trình độ, có năng lực và nhiệt tình trong công việc. Việc bố trí nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi người đã góp phần đặc lực vào công tác hạch toán và quản lý tài chính kinh tế trong Công ty. Trong nội bộ phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm, mỗi người đều có nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nên lại có mối quan hệ mật thiết với nhau về nghiệp vụ đảm bảo số liệu hạch toán được kịp thời, chính xác và thông suốt. Đây chính là kết quả của quá trình hợp lý hoá bộ máy kế toán của Công ty. Mỗi nhân viên trong phòng đều hiểu rõ và có trách nhiệm làm tốt chức năng nhiệm vụ được giao của mình, luôn học hỏi để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán gọn nhẹ và vững mạnh, tạo điều kiện cho từng người và toàn bộ máy kế toán hoàn thành nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao.

Công tác kế toán của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những qui định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT, đơn vị đều làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức

công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy công ty có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm.

- Về tổ chức bộ máy kế toán

Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán thuế GTGT nói riêng ở Công ty đã đ-ợc quan tâm chú trọng ở một mức độ nhất định cùng với các biện pháp quản lý kinh tế nói chung. Với hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán, công tác kế toán ở Công ty đ-ợc tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và bố trí cán bộ nhân viên kế toán phù hợp với năng lực trình độ bản thân nên chất l-ợng công tác kế toán đ-ợc nâng cao, phục vụ cho quá trình ghi chép, quản lý, l- u trữ, luân chuyển chứng từ chính xác, hiệu quả cao. Ph- ơng pháp hạch toán kế toán của Công ty tuân theo chế độ kế toán mới, các chứng từ sổ sách rõ ràng, chính xác, đúng trình tự tạo điều kiện cho việc kiểm tra của lãnh đạo Công ty về kết quả kinh doanh.

- Về chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:

Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà n- ớc và để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý, sửa chữa nâng cấp, thu tiền thuê nhà và kinh doanh nhà, công ty đã vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, do đó công tác kế toán đ-ợc tiến hành nhanh chóng, thông tin kế toán đ-ợc cung cấp kịp thời chính xác và tiết kiệm về thời gian

Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán thuế GTGT đ-ợc thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi thuế GTGT, kế toán thuế GTGT tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ đ-ợc l- u trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra, tổ chức hệ thống báo cáo thuế đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

- Về cập nhập thông tin:

Kế toán th- ờng xuyên nắm vững và vận dụng những chính sách, quy định mới nhất của Nhà n- ớc về công tác hạch toán kế toán cụ thể là các thông tư, quyết định được cập nhật hàng ngày. Hơn thế, tr- ớc những thay đổi một số quy định về ph- ơng pháp hạch toán kế toán Công ty đã kịp thời cập nhập để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực quy định kế toán mới.

- Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:

Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp lao vào cuộc cạnh tranh nhau để chứng tỏ mình là một doanh nghiệp có tiềm năng nhằm thu hút vốn đầu tư - tạo ra lợi nhuận cao nhất. Muốn làm được điều này thì các nhà quản lý cần phải có chiến lược cạnh tranh, nghiên cứu thị trường để khai thác một cách có hiệu quả nhất đạt được lợi nhuận trong kinh doanh. Một biện pháp quan trọng đó là nâng cao công tác kế toán. Tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng, ban lãnh đạo Công ty đã rất chú trọng tới vấn đề này. Phòng kế toán thường xuyên chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ đều có trình độ đại học. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với sự phân công phân nhiệm rõ ràng cho từng người đã tạo nên một bộ máy hoàn chỉnh. Cả phòng kế toán làm việc ăn khớp nhịp nhàng, có hiệu quả, cung cấp số liệu cụ thể, chính xác, chi tiết và tổng hợp cho những nhà quản lý một cách đầy đủ, kịp thời nhằm thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thuế GTGT nói riêng.

Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và trong phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

*** Về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty**

- Công ty hiện đang áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế do Tổng cục thuế xây dựng, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán, tránh được sự nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép.

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Cụ thể là:

3.1.2.Hạn chế

Trong thời gian vừa qua Nhà nước ban hành rất nhiều các Nghị định, Thông tư để hướng dẫn thực hiện công tác kế toán thuế GTGT. Có thể nói đây là sắc thuế được quan tâm nhiều nhất hiện nay không chỉ vì nó mới mà nó là loại thuế mang lại nguồn thu đáng kể cho Ngân sách nhà nước. Với tầm quan trọng của thuế GTGT, kế toán thuế cần có được sự quan tâm tương xứng với tầm quan trọng của nó. Những hạn chế của kế toán thuế GTGT tại Công ty chủ yếu bắt nguồn từ vấn đề này.

Hạn chế 1 : Công tác ghi chép sổ sách kế toán vào bộ máy kế toán

Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, nhưng tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng thì bộ phận kế toán vẫn chưa có một kế toán độc lập chuyên trách về mảng thuế. Kế toán doanh thu kiêm luôn kế toán về thuế dẫn tới việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và không khách quan. Đồng thời làm cho việc cập nhật số liệu dẫn đến sai sót, trùng lặp. Nguyên nhân theo em là do việc bố trí nhân viên và phân bổ khối lượng công việc là chưa thực sự hợp lý.

- Việc ghi chép thủ công của kế toán thường dẫn đến nhầm lẫn, sai sót, không kịp thời.

Hạn chế 2: Công tác kê khai thuế GTGT

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào tháng 12 năm 2013 có một vài hoá đơn chứng từ của tháng 10/2013, điều này là vẫn được chấp nhận bởi theo Luật thuế hiện hành nếu chưa kê khai đầy đủ Hoá Đơn chứng từ để kê khai trong tháng này thì có thể kê khai vào tháng sau, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày tháng phát hành hóa đơn đó, việc kê khai hoá đơn chứng từ của tháng 10 vào bảng kê của tháng 12 là vẫn nằm trong thời gian quy định. Nhưng như vậy trong tháng trước việc kê khai thuế vẫn còn bị bỏ sót ảnh hưởng đến việc khấu trừ thuế nếu hóa đơn đó không được kê khai vào tháng này, còn ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin kế toán không được đầy đủ và chính xác, mất đi tính thời sự, kịp thời của thông tin ảnh hưởng đến công tác quản lý và ra quyết định.

- Bên cạnh đó,khi ta đối chiếu số liệu của sổ cái TK 133 có số phát sinh là 360.060.027đ. Trong khi phần kê khai thuế thì Thuế GTGT được khấu trừ kỳ

này là 357.603.273đ. Như vậy phần kê khai thuế GTGT còn bỏ sót, thiếu, ảnh hưởng đến khấu trừ thuế GTGT đầu vào, làm mất đi tính thời sự của số liệu.

- Các thông tin của Hóa đơn khi kê khai sai về tên Công ty, mã số thuế, số tiền phát sinh. Và đặc biệt, với một số hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra trong tháng, khi kê toán kê khai thuế bằng phần mềm sẽ tự nhảy số thuế giá trị gia tăng kê toán thuế sơ suất đã cập nhật theo số đã được làm tròn nên làm cho số tiền kê khai bị sai so với hóa đơn, ảnh hưởng tới tính thống nhất của số liệu trên tờ khai và sổ sách.

Hạn chế 3: Chứng từ kế toán

- Do hàng tháng công ty thường in sẵn hóa đơn cho từng khách hàng và giao cho thu ngân đi thu tiền. Như vậy khó tránh khỏi tình trạng mất mát hóa đơn của ty. Điều này không những ảnh hưởng đến việc quản lý hóa đơn, chứng từ của Công ty mà còn ảnh hưởng đến việc khấu trừ thuế của công ty.

- Công tác kiểm tra các hóa đơn, chứng từ còn hạn chế nên khi hóa đơn về đến công ty nhiều khi trách nhiệm pháp lý trên hóa đơn còn thiếu như dấu của bên bán, tên người bán hàng hoặc thất lạc hóa đơn làm ảnh hưởng đến thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Trên đây là một vài tồn tại trước mắt, bộ phận kế toán của công ty nên đưa ra các biện pháp giải quyết để công tác kế toán thuế GTGT của công ty được hoàn thiện hơn nữa.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải phòng.

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT

Kế toán thuế GTGT là một phần kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp, thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách Nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, tránh được tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn tới tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước, uy tín của doanh nghiệp và cả về mặt vật chất khi bị phạt chậm nộp thuế. Việc thực hiện tổ chức công tác kế toán thuế một cách khoa học giúp cho kế toán doanh nghiệp dễ giải trình về các số liệu liên quan đến thuế GTGT phải nộp trong kỳ.

Với cơ chế thị trường mở cửa cạnh tranh đã trở thành một xu thế tất yếu, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải không ngừng nỗ lực trong việc

nâng cao hiệu quả SXKD nâng cao uy tín của doanh nghiệp. Để có thể thành công trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh, thực hiện tốt công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thuế nói riêng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các số liệu liên quan đến thuế, tình hình nộp thuế có thể cho biết được thực trạng, quy mô, hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó xác định được vị thế của doanh nghiệp đối với các chủ đầu tư và đối tác kinh tế. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay khi nền kinh tế nước ta hiện nay từng bước hội nhập kinh doanh thế giới Nhà nước có những thay đổi với chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách về thuế, chế độ kế toán. Cùng với những thay đổi đó công tác kế toán ở doanh nghiệp cũng phải tổ chức cho phù hợp.

Từ những nguyên nhân, đòi hỏi mang tính khách quan của nền kinh tế đặt ra, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất phát huy đầy đủ vai trò cung cấp thông tin cho việc điều hành, quản lý, sản xuất kinh doanh cần thiết phải cải tiến, đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

3.2.2. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện kế toán thuế GTGT

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng tại công ty phải tôn trọng đúng chính sách, chế độ hiện hành của Nhà nước về chế độ kế toán cũng như kế toán thuế GTGT.
- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Đó là phù hợp với trình độ, khả năng của đội ngũ cán bộ, với trang thiết bị, phương tiện ghi chép, tính toán của công ty. Có như vậy mới phát huy được thế mạnh của việc đổi mới.
- Một trong những nhiệm vụ của kế toán là cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng cần phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và có hiệu quả. Có khả thi thì mới thực hiện và giải pháp hoàn thiện mới có ý nghĩa. Nhưng thực hiện được không phải bằng mọi cách mà còn cần phải quan tâm

đến việc tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức từ đó mới có hiệu quả trong công việc, vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên Quản Lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng, căn cứ vào những tồn tại khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán thuế GTGT của Công ty, căn cứ vào những quy định của Nhà nước và Bộ tài chính, đồng thời với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và phòng kế toán Công ty, kết hợp với lý luận đã học tại trường, em xin đề xuất một số ý kiến sau đây hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán thuế GTGT và nâng cao hiệu quả của công tác hạch toán kế toán tại Công ty.

Kiến nghị 1: Về công tác ghi chép vào sổ sách kế toán

- Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong bộ máy kế toán nên Công ty cần cử thêm nhân viên kế toán chuyên về mảng thuế, trong đó có thuế GTGT, có hiểu biết sâu rộng về Luật thuế, có nghiệp vụ tốt, hiểu rõ và có kinh nghiệm về kế toán thuế để tránh được sai sót trong việc kê khai và như vậy kế toán doanh thu sẽ giảm bớt được áp lực công việc, làm việc có hiệu quả hơn tránh được sai sót. Kế toán thuế phải được tập huấn thường xuyên vì các luật thuế được ban hành thay đổi nhiều (Việc nắm luật và hiểu luật để vận dụng là rất quan trọng) và chính những đối tượng này tạo cơ sở chấp hành pháp luật đúng hay sai qua việc sử dụng hóa đơn chứng từ đúng nguyên tắc, đúng chế độ, là bước đầu cho công tác hạch toán, đóng vai trò quyết định quan trọng về sổ sách công ty.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng chỉ áp dụng máy vi tính trong công tác kế toán cụ thể là chương trình kế toán trên Excel do Công ty quy định. Công ty vẫn chưa đầu tư phần mềm kế toán vào sử dụng, do vậy chưa khai thác hết công dụng của máy vi tính và phần mềm. Vì vậy Công ty nên trang bị lại hệ thống máy tính với những phần mềm tin học mới nhất để tính toán trên máy vi tính đạt hiệu quả cao nhất, chính xác nhất, nối mạng thông tin nội bộ để kế toán trong Công ty có thể nắm bắt được thông tin, trao đổi và kiểm tra hệ thống thông tin cần thiết. Vì nhất là cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ nếu không có phần mềm xử lý thì rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc. Đầu tư phần mềm vào sẽ làm giảm nhẹ sức lực cũng như thời gian làm việc cho kế toán viên.

Một số phần mềm Công ty có thể tham khảo như:

Phần mềm kế toán Misa



Kiến nghị 2: Công tác kê khai thuế GTGT

- Kế toán kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ, hóa đơn để tránh hiện tượng không được khấu trừ thuế GTGT do kê khai không đúng thời hạn quy định hoặc không đủ hóa đơn, chứng từ chứng minh. Sau khi kiểm tra chặt chẽ các hóa đơn, chứng từ có liên quan đến thuế GTGT sẽ tiến hành cập nhật số liệu này vào máy, bên cạnh đó nên hạn chế việc làm tròn số.

- Trong thực tế, Công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hóa đơn đầu vào, đầu ra việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Mặc dù hóa đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn quá 6 tháng thì công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Kế toán thuế phải thường xuyên đối chiếu số liệu của mình với các bộ phận khác để đảm bảo tính chính xác của số liệu.

Kiến nghị 3 : Chứng từ kế toán

- Đặc biệt công ty cần có những quy định cụ thể, rõ ràng, quy rõ trách nhiệm đối với người xuất, giữ hóa đơn những trường hợp làm mất thì phải có

những biện pháp kịp thời để khắc phục tránh việc hóa đơn chứng từ bị mất, gây khó khăn trong việc thu tiền cũng như việc quản lý, hạch toán kế toán.

Cuối tháng kế toán nên kiểm tra lại hệ thống chứng từ, sổ sách của công ty để bổ sung đầy đủ chữ ký của những người có trách nhiệm liên quan.

- Ngoài ra khi mua hàng qua điện thoại, Internet kế toán cần kiểm tra kỹ hóa đơn, so sánh đối chiếu với hóa đơn đã có, có đủ chữ ký, con dấu, số tiền,...tránh lấy phải hóa đơn giả do bên bán cung cấp. Đồng thời tránh được việc số tiền trên các liên không khớp nhau do bên bán làm giả hóa đơn để tránh được doanh thu và thuế GTGT đầu ra.

Bên cạnh đó, công tác bảo quản và lưu giữ chứng từ, sổ sách kế toán cũng cần được quan tâm.

Chứng từ sổ sách kế toán toàn bộ là căn cứ pháp lý thể hiện quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và phân phối lợi nhuận trong từng kỳ của công ty. Do đó công tác bảo vệ, lưu trữ chứng từ nên đóng thành tập sau mỗi kỳ hạch toán có bìa cứng bảo vệ và có số thứ tự các chứng từ, sổ sách nhằm bảo vệ chặt chẽ các chứng từ không bị thất thoát. Các sổ sách chi tiết cũng cần được đóng thành quyển, thành tập sau mỗi kỳ như vậy sẽ tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu và tìm kiếm.

Trên đây là một số ý kiến đề xuất, góp ý mà em đã tìm hiểu nêu ra, mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào công tác kế toán tại công ty TNHH một thành viên Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thuế GTGT nói riêng tại công ty, thực hiện đúng chế độ kế toán đã quy định từ đó giám sát chặt chẽ, chính xác hơn và cung cấp thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của công ty nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán thuế GTGT trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó rất quan trọng. Thực tế cho thấy trong những năm vừa qua, Luật thuế mới này cũng đã phần nào phát huy được những tác dụng tích cực đối với nền kinh tế đất nước, nhưng những vướng mắc, khó khăn trong quá trình vận dụng nó vào điều kiện kinh doanh thực tế của doanh nghiệp thì lại tồn tại rất nhiều.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên Quản Lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng, giúp em hiểu sâu hơn về công tác hạch toán kế toán nói chung, công tác kế toán thuế GTGT nói riêng, Công ty và đặc biệt là phòng kế toán đã tạo điều kiện để chúng em nghiên cứu, tiếp cận thực tế, vận dụng những kiến thức đã học ở nhà trường, từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn. Nhưng do trình độ bản thân và thời gian thực tập tại Công ty còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Khoá luận ***“Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng”*** đã phần nào phản ánh được một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn. Cụ thể:

- **Lý luận:** Đề ra những vấn đề chung nhất về thuế GTGT, phương pháp hạch toán thuế GTGT tại các doanh nghiệp.

- **Thực tiễn:** Đề ra thực trạng kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH một thành viên Quản Lý và Kinh Doanh Nhà Hải Phòng. Đồng thời, khoá luận cũng đề ra một số kiến nghị nhằm nâng cao công tác hạch toán, kê khai thuế GTGT tại Công ty. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Công ty và các thầy cô giáo.

Một lần nữa em xin cảm ơn sự chỉ bảo hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Văn Thụ, sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban giám đốc, cô Phan Thị Mai Sa cùng các anh chị Phòng kế toán tài chính công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh Nhà Hải Phòng đã tận tình hướng dẫn giúp đỡ cho em hoàn thành chuyên đề này.

Em xin chân thành cảm ơn!